

Huỳnh. Khu mộ táng Phú Hòa có tuổi tương đương với các nghĩa địa chum còn lại ở Long Khánh, Xuân Lộc, với kết quả C14 do bà G.Delibrias giám định tại Trung tâm Phóng xạ tính hỗn hợp (Centre des Faibles Radioactivités) ở Gif-sur-Yvette (Pháp) 1 mảnh gốm ở chum M8 và mẫu than gỗ trong các chum M11, M13, định tuổi tuyệt đối là 2.400 ± 140 (với than gỗ) và 2.590 ± 240 (với gốm pha than) năm BP”[103], [106].

1. 3. 4. Di tích Hàng Gòn 9 (suối Đá)

Di tích trải dài trên sườn đồi đất đỏ bazan nằm ven bờ suối Gia Liêu, thuộc địa phận đồn điền cao su Hàng Gòn, (nay là xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh), cách mộ Cự thạch Hàng Gòn khoảng 1km về phía đông. Di tích được E.Saurin khám phá từ giữa năm 1963, tìm thấy 2 chum gốm mà bên trong còn có chứa cả khuyên tai 2 đầu thú (E.Saurin gọi là “đầu lừa”), 1 kiếm sắt và nhiều gốm vỡ. Sau đó, ông phát hiện thêm hơn 50 chum nữa, sắp xếp thành dãy dài trong diện tích khoảng 200 x 50m dọc hai bên bờ suối (ảnh 1.29).

Chum Hàng Gòn 9 được người xưa chôn trong tầng đất đỏ cùng cấu tạo với địa tầng Phú Hòa ở cách đó 4,5km về phía tây nam, với tư thế chôn đứng ở độ sâu 0,2-1,5m, cùng những nắp đậy khác nhau. Trong chum thường không thấy xương răng người và than tro (với những mảnh than củi nhỏ ghi nhận được, tác giả phỏng định có thể từ trên lọt vào chum khi bị vỡ nắp đậy). Những vật dụng kèm theo thông thường bị những người mai táng xưa cố ý đập vỡ, hay bẻ gãy trước khi chôn. Phía ngoài mộ chum, đôi khi còn chôn kèm theo nhiều bình gốm, đồ sắt hay cả rìu đá còn nguyên vẹn. Chum làm quan tài gốm thường cao 40-60cm, với miệng rộng khoảng 40cm và chứa nhiều đồ tùy táng. Dù trong các quan tài gốm chưa thấy nhân cốt hoặc tích tụ dày than tro, E.Saurin vẫn nghĩ rằng đây là “khu mộ chum được hỏa táng” giống như phong tục chung của cư dân Indonésien. Ông tin rằng nhiều mảnh than củi lọt vào các chum (khi nắp chum bẻ), cùng với than vụn và đất nung khám phá bên ngoài mộ đã gợi ý về sự hiện diện các giàn thiêu Tiên sử trong chính phạm vi nghĩa địa này. Ông cho rằng chủ nhân di tích Suối Đá còn có quan hệ với tục sử dụng quan tài bằng gốm ở Phú Khương, Sa Huỳnh, Tăng Long, Cổ Giang (Nam

Trung bộ) hay Dầu Giây, Phú Hòa (Đồng Nai) và có thể quan hệ với tục mai táng trong “Klong” (hộp bằng kim loại đựng những mảnh sọ lấy lúc bắt đầu lễ hỏa táng đặt trong chum đất nung) của người Chăm Bà la môn ở Bình Thuận; riêng những đồ trang sức chôn trong các mộ chum Suối Đá cũng có nguồn gốc ngoại nhập từ nhiều trung tâm văn minh lớn của thế giới đương thời [114], [115], [116].

Về di vật, đồ đá có 2 rìu nguyên và 1 mảnh rìu vỡ, 1 mảnh tước lớn, nhiều mảnh bàn mài bằng sa thạch xanh lục với dấu sử dụng phẳng, lõm hoặc có rãnh, những khối đá bazan bọt, đá quartz có dấu trứng, những viên sỏi hay cuội nhỏ có dấu khắc giống di vật tương tự ở Dầu Giây; đồ đồng có 1 chậu đồng hòng, có thành mỏng, cao 15cm, đáy phẳng rộng 17cm, với miệng rộng 25cm có trang trí đường chỉ viền dưới mép miệng; 1 mảnh đồng lá mỏng dài 3cm; đồ sắt có 1 kiếm, 1 cuốc, 3 rìu lưỡi dẹt phẳng có hòng hoặc có chốt tra cán (ảnh 1.30, ảnh 1.31). Một số bọt sắt (scories) ghi nhận phía đông nam di tích mộ chum có thể do nung chảy từ quặng chứa trong laterite địa phương; tuy nhiên, E.Saurin cho rằng chúng không cùng nguồn quặng với đồ tùy táng sắt thu trong chum gốm Suối Đá. Phân tích Quang phổ rìu sắt ở chum 1 do Mr.Pinta thực hiện, chứng tỏ sắt làm rìu ở đây gần như nguyên chất, với các nguyên tố dấu vết Chrome, Nickel, Bronze, Manganèse, Morybdène, Lithium, Barium, Strontium; mà theo tác giả các di vật này ở Hàng Gòn 9 và Dầu Giây là những chứng tích xưa nhất của đồ sắt ở Đông Dương.

Đồ gốm Hàng Gòn 9 không kém phần đa dạng, với 2 dọi se sợi hình chóp cụt có trang trí khắc vạch dài răng sói quanh rìa; khoanh gốm hình ống giống như 1 quả cân bị bể (?); chân đèn, nắp đậy có trang trí khắc vẽ những vòng tròn đồng tâm trên mặt; đĩa nông lòng (có khi được xếp chồng nhau và đặt ở bên ngoài chum lớn); cốc miệng rộng có trang trí khắc vẽ hoa văn hình sóng nước hay kiểu khuông nhạc, hoặc những vạch xiên chéo trên vành mép; bình với các kiểu dáng khác nhau như mép rộng thành cong, mép gập vào có trang trí văn chải thưa, mép vuốt mỏng hông nhỏ đáy trứng, miệng rộng đáy bằng... Hoa văn trang trí đặc trưng của gốm là văn khắc vạch tạo hình xoáy ốc nằm giữa các băng ngang hẹp, các băng vạch ngắn dọc, băng có văn răng lược tạo bởi các hàng in chấm, văn vạch tạo hình giống như rề

quạt, những đường cong có chấm trong, các hình bầu dục in đầy vạch chấm bên trong... Gốm tùy táng Hàng Gòn 9 còn nguyên vẹn hay bị cố ý đập vỡ (có khi 12 bình, vò, ly, tách bị đập thành gần 5kg mảnh chôn vào 1 chum) là những vật phẩm thông dụng, một số đồ đun nấu còn mang vết nhò nổi ở hông và đáy gốm (ảnh 1.29).

Đồ trang sức Hàng Gòn 9 gồm: 1 hạt chuỗi bằng vàng hình chóp làm theo kỹ thuật dát, có đầu mũi khoan thủng cao 8mm, đáy rộng 8mm được viền thành vành mỏng bằng cách lộn ngược mép lá vàng đã dùng; 1 bông tai đồng mạ vàng hình tháp đặc có 2 đoạn uốn cong làm mẫu đeo giống với hình trên khuôn đúc hoa tai ở Dầu Giây; 1 khuyên tai có hình 2 đầu thú dài 45mm, cao 36mm làm bằng đá pagodite. Các hạt chuỗi Hàng Gòn 9 gia công tinh xảo từ nhiều loại khoáng vật khác nhau: Thanh ngọc, hồng ngọc (spinnelle), bạch mã não (calcédoine), hồng mã não (bằng cornaline màu đỏ hình tròn hay đa giác; bằng agate có hình ống hơi phồng giữa với các vân đá trắng)... Hạt chuỗi pagodite có màu trắng dạng không đều, bằng zircon màu vàng nâu với lỗ xò dây, bằng olivine hay zircon bazan (titanomagnétite, ferropicotite)... Hạt chuỗi bằng thủy tinh nhân tạo ít thấy ở Suối Đá, gồm những hạt hình ống ngắn màu xanh đậm (xanh 496-497 theo bảng Séguý), chuỗi thủy tinh màu đỏ - da cam hơi đục có hình ống với các cạnh cách tâm bằng những rãnh nhỏ, chuỗi kiểu La Mã hình ống không đều thường có màu đỏ hơi đục (đỏ 146 theo bảng Séguý) giống các hạt đồng màu ở Sa Huỳnh và Óc Eo (ảnh 1.31).

Ngoài ra, trong phạm vi nghĩa địa Hàng Gòn 9 còn thu được các di vật như: 2 viên nhựa (dài 5-6mm; thuộc họ cây Diptérocapée), 1 mảnh da (quy mô 2,2cm) có phết lớp dầu đen bóng tìm thấy trong chum I, 2 vỏ sò biển chưa rõ chức năng dùng làm trang sức hay ma thuật (?)...

Di tích Hàng Gòn 9 có 2 mẫu than gỗ thu trong và ngoài chum gốm gửi D.J.Thomaret giám định tại Trung tâm Khoa học Monaco và 1 mẫu gốm của chum 2 làm từ sét chứa bã thực vật gửi bà G.Delibrias giám định tại Trung tâm Phóng xạ yếu ở Gif-sur-Yvette cho các kết quả niên đại C14 từ 2.300 ± 150 (than gỗ ngoài các chum 1-2); 2.190 ± 150 (than gỗ trong chum 1), đến 2.100 ± 150 BP (mảnh

gốm pha bã thực vật). Niên đại chung của khu nghĩa địa này, theo tác giả, tương đồng với một phần của văn hóa Đông Sơn. Tác giả cũng ghi nhận những nét giống nhau về nghi thức trong các mộ mai táng bằng chum và trống đồng ở thung lũng sông Hồng với các chum gốm Hàng Gòn, cùng những hoa văn răng sói có vạch và vòng xoắn kép tìm thấy trên gốm Hàng Gòn và ở văn hóa Đông Sơn. Không chia xẻ ý kiến của V.Goloubew (1938) cho các mộ chum Sa Huỳnh thuộc thời kỳ khảo cổ Champa hơn là thời kỳ Tiền sử thuần túy, học giả E.Saurin nhận xét rằng vào thời đại các chum Hàng Gòn, người Chăm và nước Champa chưa được biết đến trong lịch sử và họ chỉ xuất hiện vào cuối thế kỷ 2 AD, tác giả cho những dân tộc này đã ở trong vùng, với những tục lệ còn tồn tại trong các thời kỳ lịch sử, trong đó người Chăm, cũng như người Phù Nam kế cận, tách biệt với những bộ lạc khác trong quá trình Ấn Độ hóa. Theo một số nhà KCH Việt Nam và với riêng nghiên cứu sinh, di tích nghĩa địa chum gốm Hàng Gòn 9, cùng các Cánh đồng chum tương tự vùng Xuân Lộc, Long Khánh (Suối Chồn, Dầu Giây, Phú Hòa ...), đã thực sự hình thành một cụm di tích mang đầy đủ tính chất văn hóa bản địa của giai đoạn phát triển cuối cùng thời Sơ sử ở Đồng Nai và ở toàn bộ địa vực hạ lưu của hệ thống sông này. Bên cạnh cụm di tích mộ chum và gốm Suối Chồn, Dầu Giây, Suối Đá, Phú Hòa và những làng nông nghiệp, thủ công, buôn bán đương thời sơ kỳ Sắt, trong tiểu vùng đất đỏ bazan Xuân Lộc, Long Khánh còn hiện diện các công trình di tích văn hóa vật chất, tinh thần Đồng Nai đặc sắc khác. Ví như, quần thể di tích kiến trúc mộ Cự thạch Hàng Gòn (Hàng Gòn 7 theo E.Saurin), hay địa điểm chứa khối lượng lớn vũ khí, công cụ, tượng thú quý hiếm bằng đồng thau mang hình hài của một kho tàng trong họng núi lửa cổ Long Giao [50], [75], [116].

1. 3. 5. Kho tàng cổ Long Giao (10°49'27"B-107°46'06"Đ)

Di tích nằm cách mộ Cự thạch Hàng Gòn hơn 4km về phía đông nam. Di tích nằm trong sườn thoải của 1 nón núi lửa phủ đất đỏ bazan (có tên là Đồi 57), thuộc địa phận xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, do ông Trần Văn Xí, một người nông dân ở địa phương phát hiện ngay từ năm 1982 (ảnh 1.32). Một phần cổ vật thu ở độ sâu khoảng 20cm cách mặt đồi đã được Bảo tàng Đồng Nai và Trung tâm

Nghiên cứu KCH thu hồi lại, bao gồm 16 di vật đồng của thể loại vũ khí chém bổ lợi hại vào bậc nhất thời Tiền sử mà trong hệ bạch khí được gọi là qua (ko-halberds), 1 rìu đồng, 12 mảnh vỡ của đốc và lưỡi qua, gồm có...

Vào tháng 5/1984, khi điều tra Châu Thành (Bà Rịa - Vũng Tàu), tìm thêm được 3 lưỡi qua đồng xuất xứ từ sưu tập Long Giao lưu lạc đến đây. Cho đến đầu thập kỷ 90, Nông trường Cao su Cẩm Mỹ tiếp nhận nhiều di vật do các nông trường viên đào được ở chính hòng núi lửa Đồi 57. Đáng quan tâm nhất trong nhóm cổ vật này là 2 qua đồng, 2 rìu đồng, 3 rìu - bôn đá, 1 thẻ đeo có khoét lỗ xò dây đeo dạng bùa ở Hàng Gòn 4, Đồi Mít, Suối Chồn (ảnh 1.33); đặc biệt nhất là 2 tượng trút (hay tê tê) bằng đồng thau rất độc đáo. Một khối tượng thú ở Long Giao được bà Lê Thị Mác trao tặng cho Bảo tàng Đồng Nai trưng bày còn nguyên vẹn. Tượng tả thực hình con trút (*Manis Javanica*) dài tới 37cm, bụng rộng 9,8cm, phần đầu thú miêu tả khá sinh động, với mõm dài nhọn, mắt gờ tròn, vành tai nổi, bụng và chóp đuôi để tron thể hiện phần da mềm, duy chỉ có tứ chi không tạo 5 móng nhọn như vật thật. Đây chính là khối tượng lớn và nặng nhất (3,4kg), là tiêu bản duy nhất được biết thể hiện loài thú này trong tâm thức điêu khắc Tiền sử và nghệ thuật tạo hình tượng tròn Đông Nam bộ xưa (ảnh 1.34) [5], [28], [30].

Trong mùa điền dã năm 2010-2011 để kiểm chứng địa tầng lấy mẫu thổ nhưỡng phân tích khả năng tàng trữ bào tử phấn hoa của địa hình bazan trẻ Long Khánh và phụ cận (Xuân Lộc, Cẩm Mỹ), ở vùng Đồi 57, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, đoàn tiến hành khảo sát bề mặt sườn đồi dọc các con suối nhánh của suối Răm, cách bờ khoảng gần 1km về phía đông bắc. Hiện tại, dọc bờ các nhánh suối có rất nhiều đá cục các loại. Phần lớn là đá phún xuất núi lửa xưa, rất hiếm các loại nham thạch như bazane và đá sừng có thể làm công cụ và đá cát có thể làm bàn mài. Đoàn công tác ghi nhận thêm các thông tin nhân dân địa phương đào thấy một số rìu bôn đá và gốm cổ ở địa phận rẫy cà phê và cây ăn trái của gia đình các ông: Vũ Xuân Sự, Nguyễn Văn Bình, bà Lê Thị Thanh... mẫu đất giám định bào tử phấn hoa được lấy ở hố đào trồng cây - nơi có mảnh phế liệu đá và bàn mài đá cát trong vườn nhà

ông Vũ Xuân Sự ở địa điểm có tọa độ 10°48'44.8" vĩ độ Bắc - 107°45'10.1" kinh độ Đông).

Riêng về sưu tập 21 tiêu bản qua đồng hiện biết từng được PGS.TS Phạm Đức Mạnh chuyên khảo [50]; chúng bao gồm 4 loại, với nhiều kiểu khác nhau về cấu tạo dáng lưỡi, kích thước và trọng lượng rất đặc thù (ảnh 1.35). Hiện tượng cả sưu tập qua đồng kỳ lạ về dáng lưỡi, chưa từng thấy về kích thước, trọng lượng và tinh xảo về hoa văn trang trí hình học trên toàn bộ lưỡi, đốc, chuôi, được dồn đống trong một khoảnh đất hạn hẹp ở sườn đồi Long Giao thật khó có thể là vết tích của mộ táng, mặc dù đó là nơi yên nghỉ của nhân vật có thể lực nhất cộng đồng; mà, chỉ có thể hình dung giống như một kho tàng lưu giữ vũ khí và tượng quý của người cổ Đồng Nai.

Cùng với sự có mặt của thể loại binh khí kiểu qua đào trong mộ địa Dốc Chùa (Bình Dương), Gò Quéo (TP. Hồ Chí Minh), trong mộ chum Thái Hoà, Phú Túc và La Ngà ở Định Quán (Đồng Nai) hay Bàu Hòe (Bình Thuận), hoặc được vớt lên dưới lòng sông Đồng Nai [6], [32], [74] sưu tập Long Giao cho thấy thứ vũ khí quen thuộc và được ưa chuộng của con người ở miền đất trù phú rộng lớn này chính là một hiện tượng KCH thuộc về thời kỳ mà đồ sắt đã tương đối phổ biến, khi mà công cụ, khí giới sắt đã xuất hiện, hoàn chỉnh về dáng hình, uy lực đủ sức loại bỏ các di vật đồng thau tương ứng để dồn nguồn quỹ vốn hiếm mắc vì phải nhập khẩu cho việc luyện đúc những di vật lớn đến kỳ lạ kiểu qua và tượng trút Long Giao. Đây cũng chính là thời điểm ứng hợp tới mức có thể coi như tương đương với những niên đại C14 thu được qua giám định các mẫu vật nằm trong các Cánh đồng chum vùi trong tầng đất đỏ Phú Hòa, Suối Đá, hay nằm dưới tấm đan vừa khám phá ở di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn - nửa sau Thiên niên kỷ I BC.

1. 3. 6. Đặc điểm và loại hình các di tích văn hoá

Ở thời kỳ lịch sử thuộc giai đoạn Đồng thau, khởi đầu từ Thiên niên kỷ II BC, tại vùng đồi đá phiến, gò đất đỏ bazan thuộc địa phận Xuân Lộc, Long Khánh, cư dân Đồng Nai nối tiếp truyền thống lập làng trên sườn đồi, sườn gò đất đỏ màu mỡ và thoáng mát ven sông suối, với những khu vực quần cư lớn, quy tụ nhiều di

chỉ cư trú, mà dấu tích hiện còn cho phép xác lập quy mô từng làng không thua diện tích một làng Việt hiện đại với 1-2ha. Trong khu vực xung quanh mộ Cự thạch Hàng Gòn, nhà Đệ tứ kỷ học nổi tiếng người Pháp E.Saurin từng khám phá hàng chục làng như vậy chỉ trong phạm vi đồi rừng khoảng 10km², với những dấu tích văn hóa cổ thu được khá giống nhau.

Giai đoạn Sắt sớm ở tiểu vùng đồi đá phiến, đất đỏ bazan thuộc địa phận Xuân Lộc, Long Khánh được nghiên cứu tốt hơn và chứa đựng những tồn tích văn hóa vật chất cổ được xem là đặc sắc nhất, có sức biểu trưng cho toàn miền Đông Nam bộ cho giai đoạn mang tính cách mạng thời Sơ sử. Đây chính là giai đoạn phát triển đỉnh cao của Hệ thống văn hóa Tiền sử - Sơ sử Đồng Nai, chứng thực những thành tựu giao lưu kinh tế, văn hóa mới và những tiến bộ kỹ thuật tiên tiến đương thời, liên quan trước hết đến phát minh thuật rèn sắt và ứng dụng thành phẩm của kỹ nghệ tiến bộ này trong thực tiễn sản xuất, chiến đấu truyền thống bản địa, khởi đầu từ giữa Thiên niên kỷ I BC. Có thể xem tiểu vùng quy tụ những di tích biểu trưng cho thời kỳ lịch sử sôi động này quanh các nón núi lửa cổ cũng mang hình hài các khu kinh tế dân cư rộng, các kho tàng lớn, đan xen các nghĩa địa dày đặc xung quanh hầm mộ Cự thạch ở thời điểm mà cộng đồng người nguyên thủy Đồng Nai bắt đầu kiến thiết trung tâm tinh thần riêng để thờ cúng tổ tiên, tôn vinh thủ lĩnh và khởi dựng cuộc sống văn minh Sơ sử với cấu trúc quyền lực mang đặc điểm nhà nước sơ khai của riêng họ. Các nghĩa địa dày đặc xung quanh hầm mộ Cự thạch chính là những nơi chôn cất những thủ lĩnh và cư dân của mỗi một cộng đồng, và mộ Cự thạch chính là nơi an táng của vị thủ lĩnh tối cao của các cộng đồng cư dân nơi đây.

Một loại hình di tích đặc trưng của thời đại Sắt sớm ở Xuân Lộc, Long Khánh là những làng nông nghiệp cổ có những xưởng thủ công chuyên nghiệp đúc đồng, rèn sắt, chế tác đồ đá, chế tạo đồ gốm, nấu thủy tinh, sáng chế và bán buôn đồ trang sức bằng đá quý, bán quý, mã não, thủy tinh hay bạc vàng...; và bên những nghĩa địa cổ truyền ở cạnh nơi cư trú, đã hình thành trên các sườn đồi đất đỏ ven suối nhỏ những nghĩa địa riêng biệt chôn người chết trong các quan tài bằng chum

vò gốm [51], [53]. Các kết quả trên góp phần minh định một trung tâm quần cư cỡ lớn của cả truyền thống văn hóa bản địa miệt cao Nam Bộ, với chuỗi làng cổ và làng - xưởng kiểu Cầu Sắt, Núi Gốm..., các nghĩa trang dày đặc có táng tục truyền thống thổ táng thời Tiền sử và táng tục chôn người đã khuất trong chum gốm hay thiết kế Cự thạch dành cho các thủ lĩnh thời Sơ sử kiểu Dầu Giây, Suối Chồn, Suối Đá, Phú Hòa, mộ Cự thạch Hàng Gòn và cả kho tàng Long Giao tạo thành hệ thống di sản văn hóa, nghệ thuật, tín ngưỡng được nhiều nhà KCH đặt tên chung dòng chảy huyết mạch của toàn vùng: Văn minh sông Đồng Nai. Chúng cũng góp phần phản ánh thêm về các thủ lĩnh cộng đồng làng và thủ lĩnh của các cộng đồng liên làng tạo dựng nên văn minh sông Đồng Nai.

Trong các di tích Sơ sử, vào giai đoạn Sắt sớm ở tiểu vùng đồi đá phiến, đất đỏ bazan chứa đựng những tồn tích văn hóa vật chất cổ được xem là đặc sắc nhất, có sức biểu trưng cho toàn miền Đông Nam bộ ở giai đoạn mang tính cách mạng thời Sơ sử; là giai đoạn phát triển đỉnh cao của Hệ thống văn hóa Tiền sử - Sơ sử Đồng Nai với việc phát minh thuật rèn sắt và ứng dụng thành phẩm của kỹ nghệ tiến bộ này trong thực tiễn sản xuất và chiến đấu, khởi đầu từ giữa Thiên niên kỷ I BC. Loại hình di tích đặc trưng ở Suối Chồn, Dầu Giây, Phú Hòa, Hàng Gòn 9... là những làng nông nghiệp cổ có những xưởng thủ công chuyên nghiệp đúc đồng, rèn sắt, chế tác đồ đá, chế tạo đồ gốm, nấu thủy tinh, sáng chế và bán buôn đồ trang sức bằng đá quý hay bán quý cũng như thủy tinh hay bạc vàng bên những nghĩa địa cổ truyền ở cạnh nơi cư trú, đã hình thành trên các sườn đồi đất đỏ ven suối nhỏ những nghĩa địa riêng biệt chôn người chết trong các quan tài bằng chum vò gốm. Những trung tâm quần cư người cổ Đồng Nai đó tạo thành hệ thống di sản văn hóa, nghệ thuật, tín ngưỡng của văn minh sông Đồng Nai. Qua những đặc trưng chung về di tích, di vật và tính chất văn hoá cũng như trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các nhóm di tích Sơ sử này cho thấy sự hình thành một mạng lưới các xã hội Sơ sử ở những hình thức cư trú kiểu làng cổ vừa có sự giống và khác nhau ở cơ sở vật chất cũng như mức độ tập trung quyền lực, của cải để làm tiền đề xây dựng và duy trì những di tích kiểu Cự thạch Hàng Gòn.

Trong khung cảnh Đông Nam bộ thời Sơ sử, giữa các loại hình di tích có quan hệ mật thiết với nhau. Di tích Dầu Giây có tư liệu địa tầng và sưu tập di vật; di tích Suối Chôn là khu di chỉ cư trú - mộ chum mang những đặc trưng văn hóa có giá trị làm sáng tỏ kết cấu văn hóa của giai đoạn hậu kỳ Đồng thau - sơ kỳ Sắt của xã hội Tiền sử - Sơ sử ở Đồng Nai. Di tích khu mộ táng Phú Hòa và Hàng Gòn 9 có tuổi 2.590 ± 240 , 2.300 ± 150 tương đương với các nghĩa địa chum còn lại ở Long Khánh, Xuân Lộc hình thành một cụm di tích mang đầy đủ tính chất văn hóa bản địa, cho thấy truyền thống mai táng mộ chum của cư dân trong sự giao lưu văn hoá. Sưu tập qua Long Giao, với các đặc điểm có liên hệ nguồn gốc với những nhóm qua ở Dốc Chùa, Gò Quéo, Thái Hòa, Bàu Hòe trong giai đoạn trước đó và những nét tương đồng chính với qua Đông Sơn, qua Thái Lan là thể hiện đầy đủ nhất đặc trưng cơ bản của thể loại vũ khí này ở Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ (Việt Nam). Kho tàng qua đồng, tượng thú Long Giao đã đưa bộ khí giới đồng thau của họ đến đỉnh cao về lượng - loại, làm cơ sở vật chất bền vững cho sức mạnh thực sự là một đóng góp sáng giá cho hiểu biết của chúng ta về đỉnh điểm của văn hóa cổ Đồng Nai và bản sắc của tầm cao ấy trong lịch sử. Kho tàng Long Giao và qua đồng Long Giao nằm trong địa bàn quy tụ những di tích tiêu biểu nhất cho toàn vùng Đông Nam bộ thời sơ Sắt - nhóm di tích mộ địa, mộ chum Suối Chôn, Dầu Giây, Suối Đá, Phú Hòa vây quanh mộ Cự thạch Hàng Gòn tạo nên mối quan hệ thân thuộc giữa chúng, trên địa bàn đất đỏ bazan Xuân Lộc, Long Khánh.

Một trong những thành tựu quan trọng bậc nhất của cả thời đại này có bằng chứng vững chắc ở đây là: Cộng đồng cư dân Sơ sử Đồng Nai đã từng bước nắm bắt và hoàn thiện tri thức về thuật luyện kim, xây dựng nghề đúc đồng bản địa chuyên nghiệp; nhờ có nấu chảy đồng, sắt mà họ đã nấu chảy được từng phần xã hội nguyên thủy dựa vào công cụ lao động đá, không ngừng gia tăng sức sản xuất Tiền sử và sức mạnh nội lực chinh phục tự nhiên Đông Nam bộ, để vượt qua ngưỡng cửa của văn minh. Chỉ có sắt mới loại trừ nỗi đá, như nhận định của Engels. F, sắt cho phép người ta có thể trồng trọt trên những diện tích rộng lớn hơn, có thể khai hoang những miền rừng rú rộng lớn hơn, sắt khiến cho người thợ thủ công có được một

công cụ cứng và sắc mà không một loại đá nào hay một loại kim khí quen thuộc nào là có thể đương đầu với nó được.

1. 4. Tiêu kết chương một

Chương một trình bày những nét cơ bản nhất về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái có mối tương quan và tác động đến sự ra đời, tồn tại và phát triển của các cộng đồng cư dân - chủ nhân của các di tích văn hóa, trong đó nổi bật nhất là mộ Cự thạch Hàng Gòn trên vùng đất đỏ bazan Đồng Nai từ Tiền sử đến nay. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiểu vùng đất đỏ bazan Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ chính là nơi phù hợp cho cuộc sống định cư, phát triển kinh tế, sáng tạo văn hóa, hội tụ văn minh của các cộng đồng người ở mọi thời kỳ lịch sử.

Ở chương này LA đã tổng hợp tất cả những tư liệu điều tra, thám sát và khai quật các di tích Cự thạch ở Đồng Nai của các học giả nước ngoài và trong nước trước và sau năm 1975; thông qua kết quả các công trình nghiên cứu đó có thể nhận thấy một số thành tựu sau:

Di tích Cự thạch Hàng Gòn phát hiện đầu năm 1927 và được Jean Bouchot tiến hành khai quật; kết quả khai quật đầu tiên này khẳng định kiến trúc Cự thạch mang đặc trưng chung của các công trình Trác thạch và đây chính là một công trình tượng đài Cự thạch thuộc thời kỳ “Văn minh Đá mới” và có thể thuộc thời đại Kim khí với chủ nhân là các dân tộc vùng Thái Bình Dương mà ở đây trực tiếp chính là các tộc người thiểu số Tây Nguyên là hậu duệ thừa hưởng những tập tục từng được phát minh từ Xuân Lộc trong thời nguyên thủy. Nghiên cứu tiếp theo của Henri Parmentier qua khảo sát hiện trường từ tháng 5-12/1927 để phục dựng những kiến trúc quanh hầm mộ Cự thạch cũng như kiến nghị Toàn quyền Đông Dương xếp hạng trong “Danh mục chung” gồm những di tích lịch sử quan trọng nhất của Liên Bang; theo ông, chức năng của quần thể di tích Cự thạch đồ sộ này là hình ảnh một gian phòng đá rộng thấp có trần dựa chắc vào các bức tường đá nhờ hệ thống đường rãnh trên sàn và dưới nắp trần, giống như một “Hầm mộ” có cấu hình tương tự các công trình “Mộ táng” của một “vị quan lớn” từng được ghi nhận ở những xứ khác. Sau nghiên cứu của J.Bouchot và H.Parmentier, còn có nhiều nghiên cứu của các

học giả các nước: G.Coedès (Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ), Jean - Yves Claeys (Ủy viên thường trực Hội KCH) vào năm 1931; O.Jansé (Thụy Điển) vào năm 1934; L.Malleret, Paul Lévy, L.Bezacier vào năm 1937 và 1943; từ các năm 1960-1972 gắn liền với tên tuổi Malleret, E.Saurin và H.Fontaine là các thành viên của Hội Nghiên cứu Địa chất Đông Dương. Công trình nghiên cứu trong giai đoạn này coi kiến trúc hầm mộ là công trình Cự thạch của cộng đồng người cổ bản địa thời Kim khí, gợi ý về liên hệ có thể của ngôi mộ Cự thạch với quần thể di tích Sơ sử trong vùng (Hàng Gòn 9, Phú Hòa) và khu vực.

Sau năm 1975, các công trình nghiên cứu của các nhà KCH có sự phối hợp giữa địa phương và các cơ quan nghiên cứu như: Bảo tàng Đồng Nai, Viện KHXH tại TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐHKHXH&NV - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh... Các cuộc điều tra, thám sát và khai quật vào các năm 1992, 1996-1997, 2006-2007 và 2010-2011, dưới sự chủ trì của các chuyên gia: TS. Nguyễn Văn Long, PGS.TS Phạm Đức Mạnh, TS. Phạm Quang Sơn. Các công trình nghiên cứu không những cứu vãn nguyên vẹn tàn tích vật chất đá lớn nguyên thủy, mà còn phát hiện công xưởng chế tác đồ đá lớn thời Sơ sử góp phần soi rọi nhiều vấn đề khoa học lớn còn tồn đọng suốt nhiều thập kỷ qua về khu mộ Cự thạch này. Niên đại của các di chỉ - xưởng này liên quan trực hệ nhau thuộc hệ thống văn hóa trên toàn miền Đông Nam bộ (Việt Nam) trong giai đoạn hậu kỳ đồ Đồng - sơ kỳ đồ Sắt, với những trung tâm quần cư sinh sống của cộng đồng nhiều tộc người cùng cư ngụ sinh sống và cùng kiến thiết xây dựng xã hội trong quá khứ. Cũng trong giai đoạn này, đã có nhiều nhà khoa học từ nhiều quốc gia trên thế giới (Nga, Đức, Bungaria, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ...) đến thảo luận những vấn đề khoa học lớn liên quan với quần thể di tích Cự thạch đặc biệt này. Các nghiên cứu phát hiện di tích Cự thạch ở Việt Nam và thế giới, mặc dù còn lẻ tẻ song đã cung cấp tư liệu để nghiên cứu sinh tổng hợp, làm cơ sở cho việc so sánh để làm rõ những tính chất của các di tích Cự thạch ở Đồng Nai.

Trong chương này, LA cũng tập trung vào các di tích đồng đại xung quanh khu vực di tích Cự thạch Hàng Gòn như: Suối Chồn, Dầu Giây, Phú Hòa, Hàng

Gòn 9 và kho tàng cổ Long Giao nhằm làm nổi bật mối quan hệ và tính chất đặc trưng của di tích. Di tích Suối Chồn là khu cư trú cổ gắn với khu nghĩa địa riêng biệt với các mộ chum và chứa đồ tùy táng bên trong gồm các sưu tập vật phẩm nội địa và ngoại nhập phong phú như đồ đá có: Công cụ, khuôn đúc sa thạch, đồ trang sức, đồ đất nung, đồ thủy tinh; đồ kim loại; niên đại vào khoảng nửa sau Thiên niên kỷ I BC; nhóm mộ chum Suối Chồn có quan hệ với văn hóa Sa Huỳnh ở ven biển Nam Trung bộ và nhóm Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ (Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh). Trong khung cảnh Đông Nam bộ thời Sơ sử, giữa các loại hình di tích có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó loại hình mộ chum mang những đặc trưng văn hóa có giá trị làm sáng tỏ kết cấu văn hóa của giai đoạn hậu kỳ Đồng thau - sơ kỳ Sắt của xã hội Tiền sử - Sơ sử ở Đồng Nai; nhóm qua Long Giao, với các đặc điểm có liên hệ nguồn gốc với những nhóm qua ở: Dốc Chùa, Gò Quéo, Thái Hòa, Bàu Hòe trong giai đoạn trước đó và những nét tương đồng chính với qua Đông Sơn, qua Thái Lan đã thể hiện đầy đủ nhất đặc trưng cơ bản của thể loại vũ khí này ở Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ (Việt Nam). Cùng với kho tàng Long Giao nằm trong địa bàn quy tụ những di tích tiêu biểu nhất cho toàn vùng Đông Nam bộ thời sơ Sắt - nhóm di tích mộ địa, mộ chum Suối Chồn, Dầu Giây, Suối Đá, Phú Hòa vây quanh mộ Cự thạch Hàng Gòn tạo nên mối quan hệ thân thuộc giữa chúng, trên địa bàn đất đỏ bazan Xuân Lộc, Long Khánh, Cẩm Mỹ.

Chương hai

CÁC DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC CỤ THẠCH Ở ĐỒNG NAI

2. 1. Di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A)

Di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) có tọa độ 10°51'44" vĩ Bắc - 107°14'07" kinh Đông, thuộc xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (bản vẽ 2.1).

Di tích có diện tích 1.408m² (44 x 32m), với 2 nhóm chính: Hầm đá với 6 tấm đan lớn xếp thành khối chữ nhật vuông (nắp trên hầm, nền hầm, vách bắc, vách nam, vách tây, vách đông) và các phụ kiện khác chủ yếu là trụ - cột, đế lót chân cột, mảnh vỡ nhỏ. Ngoài hầm đá có thể ghép lắp gần kín hình hộp chữ nhật, các phụ kiện trong quần thể công trình này chủ yếu là trụ - cột, đế lót chân cột, mảnh vỡ nhỏ. Tất cả đều không còn nguyên ở vị trí ban đầu nữa, nhất là sau đợt khai quật tôn tạo năm 1992; trong đó, đế lót 2 tiêu bản; trụ cột 40 tiêu (bản vẽ 2.2, bản vẽ 2.3, bản vẽ 2.4), (ảnh 2.3, ảnh 2.4, ảnh 2.5).

Các phát hiện trong cuộc khai quật đầu tiên của J.Bouchot ghi nhận kiến trúc gồm các phiến đá - cột trụ đá cắm đứng hay hơi xiên chéo, sắp xếp gần như đối xứng với nhau thành hai hàng; ở giữa có một phòng đá lớn được gọi là “phòng mộ” (tombeau - chambre), khép kín bởi 6 tấm đan hoa cương và hầu như còn nguyên vẹn, ngoại trừ một vết vỡ nhỏ ở góc phòng phía đông bắc do bị tấm phiến trụ granite bên cạnh ngã đè lên. Kiến trúc Cự thạch được thiết kế dạng Dolmen với 12 trụ cột xếp thành hàng đôi theo hướng gần đông - tây, trong đó 2 phiến trụ lớn nhất làm bằng đá granite (dài 7,2m, rộng 1,1m và dày 35cm) dựng cao hơn nền phòng đá khoảng 10cm có đầu dưới tạo thành máu phình rộng dường như dùng để lắp vào một hệ thống mộng. Đầu trên thanh phiến đá được tạo vồng cong giống cái “yên ngựa” có thể để chịu một loại đà thân gỗ tròn đặt ngang qua hầm đá; 10 trụ nhỏ hơn bằng đá grès hoặc basalte cao khoảng 2,5-3m, được đặt ngay trên đất, không cần đế chống lún cao hơn nền phòng đá khoảng 60cm, cũng được tạo vồng hình yên ngựa ở đầu, chế tác kỳ công với mặt cắt ngang thân hình bầu dục. Hầm đá Cự thạch ở giữa, quy mô 4,5 x 2m và cao 1,5m, có dạng hình hộp chữ nhật, ghép kín bởi 6 tấm

đan hoa cương đảm bảo cho sự an toàn của một hay nhiều thi hài và kho tàng chứa bên trong. Tấm đan làm nắp lớn (quy mô 4,2 x 2,7m, dày 30cm), dựa vào tỷ trọng đá hoa cương có thể tới 7 tấn. Theo J.Bouchot, ông cho rằng các hàng trụ cột xung quanh hầm đá là một hệ thống dùng cho việc xê dịch hay nâng hạ phiến đan trên nắp mộ được dễ dàng hơn là sai lầm, vì các trụ cột và hầm đá không cùng kiến tạo trong một thời kỳ lịch sử. Có lẽ là vào thời kỳ đầu, người xưa kiến thiết riêng Dolmen và phụ kiện granite kèm theo, đây là loại vật liệu mà người thợ đá cổ Đồng Nai phải khai thác ở rất xa Xuân Lộc, mà các mỏ đá thích hợp nhất chỉ có ở Nam Tây Nguyên (cách Đà Lạt khoảng 6km) hay miền Trung (Việt Nam). Tại các mỏ đá này, người cổ có thể dễ dàng khai thác các tấm đan lớn và rộng (5-6m), dày 25-40cm, khi vận chuyển về Xuân Lộc, họ chỉ cần gia công ghè đẽo cho chúng thành hình chữ nhật, đục mài các đường rãnh mộng để lắp thành hình hộp chữ nhật [102], (bản vẽ 2.3), (ảnh 2.1, ảnh 2.2).

Cuộc khai quật năm 2006 (từ 28/02 đến 27/3/2006) do TS. Phạm Quang Sơn chủ trì đã tiến hành điều tra, thám sát khu vực rộng khoảng 4-5 ha xung quanh di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn (7A) trên mặt bằng quy hoạch bảo vệ di tích Cự thạch Hàng Gòn hiện tại. Tất cả có 58 hố thám sát với tổng diện tích 153m² (6 hố quy mô 2 x 2m = 4m², 27 hố quy mô 3 x 1m = 3m², 25 hố quy mô 2 x 1m = 2m²), trải dài từ mép sân vận động phía bắc mộ Cự thạch đến gần bờ tường giới hạn phía nam khu quy hoạch; các hố đào có độ sâu trong khoảng 1,3m đến 2,15m [83], [84], (bản vẽ 2.8, bản vẽ 2.9).

Địa tầng khảo cổ theo mặt cắt được nhận diện gồm 3 lớp:

Lớp 1: Đất mặt, dày từ 7-35cm, có màu nâu đỏ hay nâu xám đen, là lớp canh tác hiện đại, tơi xốp, lẫn nhiều rễ cây. Ở một số hố thám sát, lớp mặt còn thấy lẫn đá dăm (các hố HTS1, 7, 10, 13, 22, 23, 53, 57) và có cả gạch xây hiện đại (hố HTS50). Ở một số hố khác (các hố HTS12, 19) lớp mặt hoàn toàn bị bóc mất.

Lớp 2: Nằm dưới lớp đất mặt, dày từ 20-30cm, thường kết thúc ở độ sâu 50-60cm, là lớp đất đỏ bazan xốp, hơi sẫm màu và hơi cứng hơn lớp dưới. Ở một số hố thám sát, lớp này vẫn còn lẫn đá dăm, than, sành, thủy tinh, vỏ đạn, gạch xây hiện

đại (các hố HTS5, 13, 42, 44, 51); hoặc có thể nhận diện thành 2 phân lớp: Phía trên vón cục có khi lẫn sỏi laterit sâu từ 9-17cm và 8-28cm đến 10-38cm và phía dưới là bazan đỏ sẫm cứng sâu từ 17-40cm đến 28-50cm và 38-68cm (các hố HTS8, 21, 33).

Lớp 3: Nằm dưới lớp 2, cũng là đất đỏ bazan nhưng mềm, tươi và tơi màu hơn lớp trên, ăn rất sâu xuống dưới. Trong tất cả các hố thám sát chỉ dừng lại ở các độ sâu từ 80-159cm đến 160-215cm và đều chưa ghi nhận được điểm kết thúc của lớp này (bản vẽ 2.10, bản vẽ 2.12, bản vẽ 2.13, bản vẽ 2.14).

Trong 58 hố thám sát, phần lớn các hố (38 hố thám sát) không chứa di sản văn hóa; 18 hố thám sát còn có ổ mối bên trong (cá biệt có hố như HTS54 có tới 2 ổ mối). Chỉ có 7 hố thám sát ghi nhận có vết đất cháy hay hố đất đen và 13 hố có gốm vỡ, 6 hố có hiện vật (tù và đồng thau, vật đeo có lỗ bằng đá mài) hay mảnh đá hoa cương và đá phế liệu khác. Ngoài 3 hố chỉ có vài mảnh gốm vỡ nhỏ, thống kê 10 hố thám sát (HTS31-34, 36-38, 46, 55, 58) đã thu được chủ yếu ở lớp 3 khoảng 740 mảnh gốm (mật độ tích tụ trung bình 21,76 mảnh/m²). Vết tích tầng văn hóa được nhận diện qua tàn dư than tro, vệt đất nung, gốm và đá vỡ thông thường nằm dưới lớp bazan cứng (lớp 2) và là phần trên lớn bazan mềm bờ (lớp 3) ở độ sâu trung bình từ 30-35cm đến 60-65cm (cá biệt như HTS46 nằm ở độ sâu 65-95cm).

Trong đợt điền dã từ tháng 9-11/2007, TS. Phạm Quang Sơn tiếp tục tiến hành khai quật 34 hố, cùng một số hố thám sát mở đi kèm theo các hố khai quật, với tổng diện tích 964,45m². Các hố đào khai quật tập trung trên 3 khu vực phân theo ký hiệu A, B, C (bản vẽ 2.15, bản vẽ 2.16, bản vẽ 2.17).

Khu A gồm 24 hố (ký hiệu 97HG-A-H1 - 97HG-A-H24) nằm trọn trong khuôn viên hàng rào bảo vệ mộ Cụ thạch Hàng Gòn (7A) và sát chân rào mé ngoài, chủ yếu ở các phía đông và bắc.

Khu B gồm 5 hố (ký hiệu 97HG-B-H1 - 97HG-B-H5), nằm ở phía đông nam cách mộ Cụ thạch Hàng Gòn (7A) khoảng 170m, sát tường rào phía bắc của Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ hiện nay.

Khu C gồm 5 hố (ký hiệu 97HG-C-H1 - 97HG-C-H5) cũng nằm ở phía đông nam cách mộ Cự thạch Hàng Gòn (7A) khoảng 60m.

Địa tầng khảo cổ theo mặt cắt lần khai quật này được nhận diện gồm 3 lớp:

Lớp 1: Đất mặt, dày từ 20-35cm, có màu nâu đỏ hay nâu xám đen, là lớp canh tác hiện đại, tơi xốp, lẫn nhiều rễ cây.

Lớp 2: Nằm dưới lớp đất mặt, dày từ 20-30cm, thường kết thúc ở độ sâu 50-60cm, là lớp đất đỏ bazan xốp, hơi sẫm màu và hơi cứng hơn lớp dưới.

Lớp 3: Nằm dưới lớp 2, cũng là đất đỏ bazan nhưng mềm, tơi và tươi màu hơn lớp trên, ăn rất sâu xuống dưới. Trong tất cả các hố thám sát đều chưa ghi nhận được điểm kết thúc của lớp này.

Tầng văn hóa được các nhà khai quật ghi nhận qua các cụm hay vỉa gốm vỡ, đá nguyên và phế liệu thuộc nhiều thời kỳ tạo tác, di vật đồng và mảnh, cục kim khí, than tro và các hố đất đen... xuất lộ rải rác ở các độ sâu khác nhau nhưng đều nằm ở phần trên lớp bazan nâu đỏ mềm (lớp 3). Tất cả hố đào thường đạt độ sâu từ 1-2,2m đến 2,7-3,9m so với bề mặt địa hình hiện nay đạt độ sâu tám đến chín mét. Nhìn chung, hiện tại, trong khu vực 4ha khảo sát, cấu trúc địa tầng trong khu vực xung quanh mộ Cự thạch có cấu tạo không phức tạp với bề mặt địa hình khá mấp mô và có xu hướng thấp dần từ tây và tây bắc qua đông và đông nam, mức độ chênh lệch tối đa giữa các điểm cao và điểm thấp nằm trong khoảng $\pm 2\text{m}$ (bản vẽ 2.8).

Trong các hố khai quật H₁, H₁₀ và H₁₃ thuộc Khu A và H₃ Khu C đã phát hiện được các dấu vết than tro và những vùng đất cháy. Đặc biệt ở hai hố: A. H₁₃ và C. H₃ đất cháy cứng, có màu hồng như gạch non, tạo thành một sàn hình gần tròn, đường kính 1,20-3m, dày 40-55cm, nằm ở độ sâu tương đương với nắp mộ. Lớp đất cháy ở A. H₁₀ lại nằm ở độ sâu -60cm đến -114cm. Trong quá trình xử lý chỉ thấy có một ít than tro. Đất cháy có kết cấu không chặt thành một khối mà bờ rời, xen kẽ với đất đỏ bazan. Ngoài ra, trong quá trình khai quật còn ghi nhận được dấu vết những cột đất cháy, thường có hình trụ tròn, đường kính 20-60cm, cao 30-50cm, nằm ở các độ sâu khác nhau. Có thể đây chỉ là vết tích của cây rừng bị cháy. 5 mẫu than trong đất cháy được đoàn công tác sử dụng để phân tích C14 [82], [83], [84].

Trong đợt khai quật năm 1996, PGS.TS Phạm Đức Mạnh đã nói đến một công xưởng chế tác đá bên cạnh mộ Cự thạch. Đợt khai quật lần này đã cung cấp thêm tư liệu củng cố cho quan điểm trên. Trong khu vực xưởng chế tác đá, ngoài những tấm đan, cột dường như chưa qua sử dụng đã được phát hiện trước đây, nay còn thấy vương vãi nhiều phế vật, mảnh tước đá cùng những công cụ lao động. Rõ ràng người xưa đã có công vận chuyển những khối đá lớn về Hàng Gòn để gia công, tạo ra những tấm đan, cột đá sử dụng cho kiến trúc mộ.

Trong các đợt đào lớn năm 2006-2007, đá phế liệu tập trung chủ yếu gần khu di tích Hàng Gòn II (7B) và phát triển gần phía hầm mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) trong các hố khai quật 07HG-A-H3-7, 9-10, 12-13, 15. Các kết quả khai quật, trong số hiện vật đá được ghi nhận, phần lớn là những mảnh vỡ không định hình, mảnh tách trong quá trình chế tác những tấm đan và cột đá. Các nhà khai quật đặc biệt chú ý đến 2 nhóm hiện vật xuất hiện nhiều ở các hố khai quật thuộc khu C, gồm: Nhóm 1 có khoảng 30 viên đá có hình dáng gần với mu rùa (16 tiêu bản) hay hình bán cầu, tuy bị phong hóa nhiều nhưng vẫn thấy những vết ghe đẽo chế tác tạo dáng (đường kính từ 10-15cm, cao 5,5-6,0cm) và nhóm 2 có 8 tiêu bản ghe hình cầu (đường kính 7-10cm) có thể được sử dụng như công cụ ghe đập đá hoặc các con lăn để di dời những phiến đá nặng. Ngoài ra, còn 1 tiêu bản hoa cương có thể là đầu cột ký hiệu B (của H.Parmentier), 1 tiêu bản granit và 2 tiêu bản đá cát có vết mài nhẵn hình sóng trâu hoặc hình chữ nhật, cùng một số tiêu bản vỡ nhỏ không định hình được các nhà khai quật cho là phế liệu hoặc mảnh vỡ trong quá trình chế tác và vận chuyển các tấm đan và cột đá [84].

2. 2. Di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B)

Di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) có tọa độ 10°51'43" vĩ Bắc - 107°14'10" kinh Đông, vị trí này nằm cách di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A) khoảng 60m về phía đông nam. Di tích Cự thạch Hàng Gòn II nằm ở giáp ranh giữa khu vực quy hoạch bảo vệ khu mộ Cự thạch Hàng Gòn I và mặt bằng của Xí nghiệp khai thác đá. Di tích được phát hiện vào đầu tháng 12/1995 do các công nhân lái xe ủi của Xí nghiệp khai thác đá thuộc Nông trường cao su Hàng Gòn,

trong lúc thi công đã đụng phải những tấm đan bằng hoa cương lớn. Cuộc khai quật ngay đầu năm 1996 do PGS.TS Phạm Đức Mạnh làm Trưởng đoàn đã phát lộ các cụm di tích cùng với số lượng di vật phong phú và đa dạng (bản vẽ 2.15), (ảnh 2.7, ảnh 2.8, ảnh 2.9, ảnh 2.10, ảnh 2.11).

Tổng diện tích hố đào hoàn chỉnh ở di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) là $6,4\text{m} \times 14\text{m} = 89,6\text{m}^2$, trong đó: EF (vách tây) = CD (vách đông) = $6,4\text{m}$ và ED (vách nam) = FC (vách bắc) = 14m . Trên bình diện hố khai quật, được phân chia thành các ô vuông ($2 \times 2\text{m} = 4\text{m}^2$) và các ô chữ nhật ($2,4 \times 2\text{m} = 4,8\text{m}^2$), ghi ký tự la - tinh: h - g, a - e (tính từ vách tây về vách đông) và ghi số 1-3 (tính từ vách nam về vách bắc). Các lớp đất đào từ trên xuống lần lượt được cào phẳng nhằm để tìm kiếm có hay không đường biên cổ. Hố đào tiếp tục sâu xuống dưới các tấm đan 2-2,5m, với các phương pháp xử lý các khối đất đỡ các tấm đan đá riêng biệt nhằm thu thập toàn bộ tàn tích vật chất nếu có ở phần này.

Địa tầng khảo cổ theo mặt cắt trắc diện ở các vách đào bắc và đông của hố khai quật có thể nhận biết 4 lớp (ngoại trừ lớp đá rải lát đường ở bề mặt dày 20-40cm) như sau:

Lớp 1: Đất nâu đỏ (reddish brown), màu chuẩn 5 YR 4/6. Đây là lớp đất mặt dày trung bình 20-70cm, lẫn nhiều rễ cây, cỏ, đá cục, tro than, sành sứ và gạch ngói hiện đại.

Lớp 2: Đất có màu nâu sáng (brown - bright brown), màu chuẩn 7.5 YR 4/3 - 5/6, cũng là lớp đất mới đắp dày dao động từ 20-62cm, lẫn nhiều than gỗ và rễ cây cháy dở, các mảnh sứ hoa lam, gốm trắng men nâu và gạch ngói hiện đại.

Lớp 3: Đây là lớp đất nâu đỏ sáng (bright reddish brown), màu chuẩn 5 YR 5/6, dày trung bình 70-90cm, kết cấuơi xốp khá thuần nhất, lẫn rất ít sỏi nhỏ laterite, rễ cây, đôi chỗ tích tụ than tro. Đây là nguyên thổ mặt đồi cũ, các mảnh vỡ của đá sa thạch và hoa cương, cùng các phế liệu cuội có gia công phân bố góc đông bắc hố đào và tập trung khá dày đặc thành lớp xung quanh và bên dưới các cụm đan hoa cương.

Lớp 4: Lớp nguyên thổ, đất cũng có màu nâu đỏ nhưng sắc độ sẫm hơn lớp trên, màu chuẩn 2.5 YR 4/3 - 5/6. Đây là tầng thổ nhưỡng có cấu tạo thuần nhất màu nâu đỏ sẫm rất đặc trưng của nhiều khu vực trong đồn điền cao su Hàng Gòn, với kết cấu mịn chắc nhưng xốp, thuần nhất và hoàn toàn không còn rễ cây và lẫn sỏi sạn laterite hay các khoáng vật khác. Sự tích tụ than tro ở sát các tấm đan hoa cương, riêng góc đông bắc hố đào có nhiều cuội lớn bị patine màu xám, xanh lục (bản vẽ 2.6).

Phần lớn các tấm đan bằng đá hoa cương nằm ngang trong tầng đất nâu đỏ sẫm này. Di vật KCH chỉ bắt đầu xuất hiện ngay từ dưới các tấm đan đá, từ độ sâu -10cm đến -14cm (so với chuẩn điểm 0), bao gồm 2 mẫu đồng thau, 24 mảnh gốm, nhiều mảnh tước, mảnh tách, đá vỡ tích tụ thành lớp dày 15-46cm. Ở 2 góc phía đông bắc và đông nam hố đào còn có các vệt đất nung cháy màu xám trắng quy mô từ 1,8 x 0,68m đến 1,4 x 0,8m, với các khối đất nung màu nâu đỏ bị xám đen có bề mặt rỗ thủng. Ngoài hố khai quật hoàn chỉnh, để kiểm tra địa tầng khu vực này, đặc biệt quan sát sự phân bố lớp phế liệu đá, Đoàn công tác đào 9 hố thám sát với tổng diện tích 36m² (2 x 2m = 4m²/hố), nằm cách hố khai quật từ 4-8m đến 20-45m về cả 4 hướng chính đông, bắc, tây, nam. Trong các hố thám sát đã thu thêm 5 mảnh gốm thô, nhiều tầng và mảnh đá sa thạch, hoa cương và cuội giống di vật trong hố khai quật chính. Căn cứ vào tình trạng địa tầng của hố khai quật và các hố thám sát xung quanh, có thể hình dung phân bố chính của lớp đá phế liệu trong di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) dàn trải về hướng đông, phát triển theo chiều bắc nam khoảng 12-14m (từ hố HTS I đến HTS V) (ảnh 2.12, ảnh 2.13, ảnh 2.14). Tóm lại, đặc điểm nguyên thổ của địa tầng Hàng Gòn là đất nâu đỏ thuần nhất, lẫn rất ít hoặc không có sỏi sạn laterite. Đương nhiên, xen lẫn trong các phế liệu cuội, than tro bắt đầu xuất lộ từ độ sâu +27cm đến +0,3cm (cách điểm chuẩn 0) và tích tụ nhiều hơn dưới các tấm đan hoa cương.

Các cụm di tích được bố trí gần như trên cùng bình độ. Cụm A được cấu tạo thành mặt phẳng đá hoa cương gần hình chữ nhật, nằm dài theo hướng đông tây, quy mô 5,1m x 1,6m - 1,75m x 0,05-0,1m, hiện tại bị nứt thành 9 tấm song ghép

liền nhau, ký hiệu từ A1 đến A9. Cụm B gồm 2 phiến đá hoa cương ghép tạo thành hình chữ nhật, nằm theo hướng đông bắc - tây nam, cách đầu góc cụm A khoảng 1m, quy mô 2,6m x 1,5m x 0,12m. Ở cả 2 cụm đá hoa cương, các phiến đan còn rõ dấu vết chế tác, đặc biệt các vết đục phẳng ở rìa, các rãnh khuyết gần hình chữ nhật quy mô 10cm x 50cm hay hình bán cầu (chưa rõ chức năng của các chi tiết gia công thêm này). Cụm C gồm 2 trụ đá sa thạch dài và 1 hòn cuội nằm riêng ở vách tây hồ đào; 2 trụ sa thạch màu xám nâu hạt mịn được gia công kỹ tạo cho mặt cắt có hình vuông hay gần chữ nhật, quy mô 3,25m x 0,3m x 0,2m và 3,4m x 0,3m x 0,2-0,23m; 2 trụ đá chụm đầu vào nhau hướng đông nam và phần đuôi xòe ra tạo góc 27°; hòn cuội có hình bầu dục nằm cách trụ đá khoảng 30cm về phía nam, quy mô 19,6 x 12,3-14 x 8,7-9,2cm [60], [71], [72], (ảnh 2.10, ảnh 2.11).

2. 3. Đặc trưng di tích

Các di tích hầm mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) và công xưởng chế tác cự thạch Hàng Gòn II (7B) nằm cạnh nhau và đều phân bố trên vùng cao đất đỏ bazan miền núi đồi phía đông bắc tỉnh Đồng Nai; đây là những địa danh mới của một miền đất tối cổ về tuổi thành tạo địa chất và cả về lịch sử khai phá đầu tiên của người nguyên thủy. Theo Saurin, di tích Cự thạch Dolmen Hàng Gòn 7 nằm ở vị trí gần như trung tâm của 10 địa điểm KCH Tiền sử chủ yếu do ông phát hiện và đặt tên. Trong số đó, địa điểm nằm gần mộ Cự thạch nhất là Hàng Gòn 8 (cách khoảng 250m về phía tây bắc) được ông xếp vào thời đại đồ Đồng; địa điểm là nghĩa địa chứa mộ táng có quan tài bằng chum và gốm thuộc sơ kỳ thời đại Sắt (C14: 2.100 ± 150 BP) được ông khai quật là Hàng Gòn 9 (có người về sau gọi là Suối Đá), nằm bên bờ suối Gia Liêu cách di tích Cự thạch Hàng Gòn 7A về phía tây chỉ khoảng 1-1,1km; về phía tây nam, trong khoảng 4-5,5km theo đường chim bay, tác giả cũng giới thiệu một số di tích khác như: Hàng Gòn 1 (về sau còn được các nhà KCH Việt Nam gọi tên dân gian khác là Núi Gốm) nằm kẹp giữa suối Râm ở phía bắc và suối Sâu ở phía nam (C14: 3.950 ± 250 BP); Hàng Gòn 2 (cách Hàng Gòn 1 khoảng hơn 500m, nằm trên sườn một ngọn đồi cao 246m); Hàng Gòn 10 (nằm ở phía nam, cách con đường đất đỏ từ đôn điền cao su Hàng Gòn đến đôn điền cao su Ông Quế

khoảng 200-300m); Hàng Gòn 3 và Hàng Gòn 4 (ở chân phía bắc của núi Cẩm Tiêm); Hàng Gòn 5 (nằm trên đỉnh bằng phẳng của ngọn đồi cao 225m, cách núi Cẩm Tiêm khoảng 3,5km về phía bắc); Hàng Gòn 6 (về sau còn có các tên gọi khác như Đồi 275, Nhân Gia, Sáu Lé) được E.Saurin định niên đại thuộc sơ kỳ thời đại Đá cũ và Hàng Gòn 9 thuộc sơ kỳ thời đại đồ Sắt, các di tích còn lại (Hàng Gòn 1-5, 8, 10) đều được tác giả xếp vào thời đại Đồng thau.

Miền đất bazan Long Khánh, Xuân Lộc này trong khung cảnh của thời đại kiến tạo các di tích Cự thạch Hàng Gòn thời kỳ Sắt sớm với hàng loạt các di tích như: Suối Chồn, Dầu Giây, Phú Hòa, Hàng Gòn 9, Kho tàng Long Giao... chứa đựng những tồn tích văn hóa vật chất cổ được xem là đặc sắc nhất, có sức biểu trưng cho toàn miền Đông Nam bộ ở giai đoạn mang tính cách mạng thời Sơ sử; đây chính là giai đoạn phát triển đỉnh cao của phức hệ văn hóa Đồng Nai, với những thành tựu giao lưu kinh tế - văn hóa mới và những tiến bộ kỹ thuật tiên tiến đương thời, liên quan trước hết đến phát minh thuật rèn sắt và ứng dụng thành phẩm của kỹ nghệ tiến bộ này trong thực tiễn sản xuất, chiến đấu truyền thống bản địa, khởi đầu từ giữa Thiên niên kỷ I BC. Một loại hình di tích đặc trưng của thời đại Sắt sớm ở xung quanh khu vực di tích Cự thạch là những làng nông nghiệp cổ có những xưởng thủ công chuyên nghiệp đúc đồng, rèn sắt, chế tác đồ đá, chế tạo đồ gốm, nấu thủy tinh, sáng chế và bán buôn đồ trang sức bằng đá quý, bán quý, mã não, thủy tinh, bạc vàng...; và, bên những nghĩa địa cổ truyền ở cạnh nơi cư trú, đã hình thành trên các sườn đồi đất đỏ ven suối nhỏ những nghĩa địa riêng biệt chôn người chết trong các quan tài bằng chum và gốm. Việc quy tụ dày đặc các di tích vào thời kỳ Sắt sớm ở vùng này khẳng định một trung tâm quần cư cỡ lớn của cả truyền thống văn hóa bản địa trên miền cao trên vùng đất Đông Nam với chuỗi làng cổ, làng và xưởng kiểu Cầu Sắt, Núi Góm..., các nghĩa trang dày đặc có táng tục truyền thống thổ táng thời Tiền sử và táng tục chôn người đã khuất trong chum gốm hay thiết kế Cự thạch dành cho các thủ lĩnh thời Sơ sử kiểu Dầu Giây, Suối Chồn, Suối Đá, Phú Hòa, mộ Cự thạch Hàng Gòn và cả kho tàng chứa kim loại quý đương thời như vũ khí kiểu qua, tượng trút ở Long Giao tạo thành hệ thống di sản văn hóa -

nghệ thuật và tín ngưỡng được nhiều nhà KCH đặt tên chung dòng chảy huyết mạch của toàn vùng: Văn minh sông Đồng Nai. Chúng cũng góp phần ghi nhận tiềm năng di sản văn hóa và khai quật của cả hệ thống di tích viên quanh quần thể kiến trúc Cự thạch Hàng Gòn trong miền địa hình đất đỏ bazan trê Xuân Lộc, Long Khánh, Cẩm Mỹ còn rất lớn.

Như vậy, có thể xem vùng đất này quy tụ những di tích biểu trưng cho thời kỳ lịch sử sôi động quanh các nón núi lửa cổ kính cũng mang hình hài các khu kinh tế dân cư rộng, các kho tàng lớn, đan xen các nghĩa địa chum dày đặc xung quanh hầm mộ Cự thạch ở thời điểm mà cộng đồng người nguyên thủy Đồng Nai bắt đầu kiến thiết trung tâm tinh thần riêng để thờ cúng tổ tiên, tôn vinh thủ lĩnh và khởi dựng cuộc sống văn minh Sơ sử với cấu trúc quyền lực mang đặc điểm của một nhà nước sơ khai của riêng họ [51], [52], [53].

Di tích Cự thạch Hàng Gòn có tính độc nhất vô nhị với kiến trúc dạng nhà mồ. J.Bouchot cho rằng, Dolmen Xuân Lộc có hình hộp chữ nhật, với 6 tấm đan hoa cương còn nguyên vẹn khép kín lại, trong đó có 4 tấm vách đứng cùng 2 tấm nằm ngang làm nền và nắp đậy. Nhờ vậy, hầm đá được đóng kín hoàn toàn, bảo đảm sự an toàn cho một hoặc nhiều thi hài cũng như kho tàng chứa bên trong phòng đá. Ở phần trên đầu các trụ được tạc thành rãnh lõm gọi là vồng lưng vì hình dáng đầu vồng của trụ khá giống cái “yên ngựa”, các rãnh hình yên ngựa này dường như được tạo tác để chịu một loại đà thân gỗ tròn đặt ngang qua hầm đá vào chính phần lõm nhất giữa 2 đầu nhô cao. 10 trụ nhỏ hơn bằng đá gres hoặc basalte cao khoảng 2,5-3m, được đặt ngay trên đất, không cần phân để chống lún, và cao hơn nền của phòng đá khoảng 60cm; các trụ nhỏ này cũng có rãnh hình yên ngựa ở đầu, chế tác rất khéo léo và kỳ công với mặt cắt ngang thân hình bầu dục khá rõ và đều đặn. Ngoài các trụ cột đá dựng thẳng, với căn hầm Cự thạch xây dựng ở trung tâm di tích, tác giả xác định dứt khoát tính cách giống nhau của công trình này với những loại hình mộ cổ trên thế giới được gọi là “Trác thạch”. Theo ông, các trụ cột và hầm đá không cùng kiến tạo trong một thời kỳ lịch sử. Có lẽ là vào thời kỳ đầu, thuộc thời kỳ Văn minh Đá mới, người xưa kiến thiết riêng công trình hầm mộ bằng hoa

cương và phụ kiện granite kèm theo, với kỹ thuật chế tác ghè dẽo dễ dàng hơn; thời kỳ sau, người ta tiếp tục chế tạo và lắp dựng thêm 10 trụ sa thạch trên theo các hàng dài cao hơn mặt đất của nền hầm mộ, những trụ - cột bằng đá grès hay basalte này có lẽ được người Xuân Lộc xưa chế dựng sau khi xây cất hầm đá hoa cương nhiều thế kỷ, có thể thuộc thời đại Kim khí [102].

J.Bouchot cho rằng, với 2 phiến trụ hoa cương lớn nhất có đầu trên tạo rãnh lõm kiểu hình yên ngựa với bề rộng lớn hơn hẳn so với các cặp trụ khác, chúng không phải là cột đỡ 1 đà đá ngang tạo thành một hệ thống dùng cho việc xê dịch hay nâng hạ phiến đan trên nắp mộ được dễ dàng hơn giúp cho việc xê dịch nắp đá hầm mộ có thể thực hiện được bằng sức người kéo; đây cũng không giống với các Dolmen phương Tây tạo thành vành đai xếp quanh mộ cổ; mà đây chính là các trụ đỡ chính của kiến trúc mái công trình. Với các hàng trụ - cột đá bố trí xung quanh hầm mộ Cự thạch, ông tin rằng trình độ kỹ thuật chế tạo những thanh trụ vừa dài vừa nặng, với thiết diện ngang thân hình bầu dục tròn đều chính xác đến tinh vi phải thuộc về thời đại mà con người đã quên thuộc các dụng cụ bằng kim loại. Đây là hầm mộ Cự thạch dành riêng cho thủ lĩnh (Tombe de Chef), và gợi ý cho công cuộc lần tìm hậu duệ của những người sáng tạo hầm mộ kỳ lạ xưa trên đất Tây Nguyên. Chính người thiểu số vùng cao nguyên Tây Nguyên là các hậu duệ thừa hưởng những tập tục từng được phát minh từ Xuân Lộc trong thời nguyên thủy, mà bằng chứng về tri thức kiến trúc có thể ghi nhận qua những cột đan dài tới 7,2m dựng bên hông hầm mộ Cự thạch Hàng Gòn gắn gũi với cấu trúc Nhà mồ độc đáo trong nghĩa địa Plai Rlung (Đắc Lắc) được minh họa cho tác phẩm “Jungles mois” của Henri Maitre. Ở đây, kiến trúc ngôi mộ lớn nhất trong toàn bộ hầm mộ chung (nécropole) là 1 đụn đất cao 4,2m, có hình chữ nhật quy mô khoảng 1,5 x 1,2m; ở 4 góc có 4 cột cao 1,2m, các góc là những thân cây cắm vững chắc xuống đất cao khoảng 0,9-1,5m so với mặt đất; trên đầu các cọc gỗ có đà ngang nối liền chúng với nhau; 4 cột góc là trụ chính đỡ đà ngang chịu 1 mái nhà đẹp cao tới 4m, đáy mái rộng tới 3m, mái vách lợp bằng những tấm lá “som”, độ nghiêng mái lớn, có khi cạnh đáy tới 2,3-3m, các cạnh này dính liền nhau và đâm thẳng lên nóc nhà, đây chỉ là nhà che phần mộ

của những người giàu có hoặc các thủ lĩnh. Theo J.Bouchot, có thể nhận thấy sự chính xác lạ lùng giữa các cấu kiện hiện hữu trong nhà mồ người thiểu số Tây Nguyên thời Cận đại với quần thể kiến trúc Đá lớn nguyên thủy lưu giữ ở Xuân Lộc: 4 cột góc cũng có ở Xuân Lộc dù bằng đá, với các đầu vồng giống kiểu yên ngựa có thể là trụ chính đỡ các dầm ngang và mái nhà sẽ thả xuống từ một đòn vồng nằm ngang đầu trụ đan và nằm chắc chắn trên các trụ ở 4 góc. Dáng dấp mộ đá có thể không duyên dáng như hình vẽ của Henri Maitre vì có lẽ do thời xa xăm, người xưa không thể có được những phương tiện làm nhẹ bớt một công trình kiến trúc mái lớn loại này, song các cấu kiện kiến trúc cơ bản cho phép thừa nhận hoặc liên tưởng rằng người Gia Rai đã bảo tồn một cách cẩn trọng và cải tiến những nghi thức mai táng đặc thù vốn có từ cổ xưa, khởi nguồn từ Thời đại Xuân Lộc với ngôi mộ Đá lớn Hàng Gòn. Chức năng là một hầm mộ của quần thể di tích Cự thạch đồ sộ này, cũng được H.Parmentier tán đồng với giả thiết là hình ảnh một gian phòng đá rộng thấp có trần dựa chắc vào các bức tường đá nhờ hệ thống đường rãnh trên sàn và dưới nắp trần, căn hầm chìm xuống đất không thể vào được, tạo cho ta ấn tượng công trình giống như một hầm mộ (Tumulus) chôn dưới đụn đất với ít nhất một lối vào (ngõ) dẫn đến sát đầu hầm - cấu hình tương tự các công trình mộ táng (tombeau) của một vị quan lớn từng được ghi nhận ở những xứ khác [102].

Di tích nhà mồ Cự thạch gắn với công xưởng chế tác tại chỗ và là thành quả lao động của các cộng đồng cư dân thời Sơ sử trên đất Đồng Nai. Dấu tích công xưởng chế tác Cự thạch được phát hiện, khai quật năm 1996 và tính chất của nó được làm rõ qua loại hình các đá hoa cương cỡ nhỏ và các mảnh tước, mảnh tách, mảnh vỡ của các loại đá khác thuộc các nhóm chịu sự tác động của phong hóa ở mức độ khác nhau, tiêu biểu với nhóm vỏ cuội không bị lớp phủ patine.

Đá hoa cương cỡ nhỏ được phát hiện nhiều nhất (với 281 tiêu bản = 94% tổng số phế liệu hoa cương thu thập được), đây là những mảnh tách - mảnh tước được tạo ra nhờ ghè đập trực tiếp và loại bỏ sau quá trình gia công các tấm đan hoa cương lớn và đục đẽo để tạo thêm những đường vát hay rãnh khuyết trên những phụ kiện của di tích Cự thạch. Căn cứ vào phân loại màu sắc chất liệu, chúng chủ yếu

thuộc về 2 loại: Đá hoa cương trắng và đá hoa cương xám xanh. Đá hoa cương trắng là các mảnh vỡ, mảnh tách - tước của đá hoa cương (grano - diorit) màu xám trắng, loại đá mác - ma xâm nhập thành phần axit trung tính, có kết cấu mềm, dễ gè đục, thường lẫn nhiều hạt khoáng vật màu đen nhạt. Đá hoa cương xám xanh thuộc nham thạch granit-kataclazit hoặc amfibiotit, loại đá mác-ma xâm nhập axit, bị tác động biến chất nhiệt động; loại đá này rất có khả năng nhiều chiếc trong nhóm này, với dạng gấn hình cầu hay khối bầu đục được người xưa sử dụng giống như những hòn gè hoặc có chức năng tương tự như một loại búa hay vồ để đục đẽo đá [66].

Ở lớp đá mảnh tước, mảnh tách, mảnh vỡ là vỏ cuội không bị lớp phủ patine (loại C) đây là các tiêu bản có thể thuộc dạng cuội suối, thường có xương đá màu xám hoặc đen nhạt, với đặc điểm lớn nhất của toàn nhóm là gần như hoàn toàn không chịu tác động của phong hóa, mà còn giữ nguyên vỏ ngoài cuội khá dày màu đen, xám nâu hoặc nâu sẫm. Trong các mẫu của nhóm này được phân tích, cuội vỏ đen thường là đá sừng có kiến trúc biến tinh với cấu tạo khối của thạch anh, epidot có hocblen; cuội vỏ nâu thường là đá basalt olivin, có cấu tạo khối và kiến trúc ban trạng; còn cuội vỏ xám nâu là đá basalt olivin có nguồn gốc mác - ma hoặc đá quaczit có kiến trúc hạt vảy biến tinh, cấu tạo khối của xerixit, clorit... Chính nhờ không chịu tác động của phong hóa nên vết tích kỹ thuật còn để lại trên những di vật thuộc dạng cuội suối này rất rõ ràng, mà căn cứ vào vết tích gè đẽo và tu chỉnh nguyên thủy, chúng ta có thể nhận diện được chắc chắn từng thể loại hiện vật như: Hạch đá, mảnh tước, mảnh tách, mảnh tước có gia công rìa lưỡi và kể cả một số ít hơn là những mảnh đá vỡ giống như được tạo ra do va đập hoàn toàn ngẫu nhiên. Mặt khác, cũng nhờ phân tích vết tích kỹ thuật gè, đẽo, đập, đục còn để lại ở từng dạng di vật của nhóm này, chúng ta có thể quy chiếu, phân loại toàn sưu tập còn lại - các dạng phế liệu chịu tác động phong hóa ở nhiều mức độ khác nhau. Điều quan trọng nhất là, nhờ chúng, toàn bộ phế liệu đá không phải mảnh hoa cương ở Hàng Gòn II (7B) thu thập được trong mùa khai quật, thám sát KCH năm 1996 không phải là "lớp đá dăm" bị bê vỡ ngẫu nhiên như phỏng đoán của một số nhà nghiên

cứu kỹ thuật chế tác đá cổ, mà chính là tàn tích vật chất do bàn tay người thợ đá Hàng Gòn tạo ra từ nguyên thủy và cũng bị thải bỏ sau quy trình chế tác đá ở đây. Những vết tích của quá trình gia công ghè, đẽo tạo nên toàn nhóm mảnh này chủ yếu là ghè, đẽo trực tiếp, một số tiêu bản có gia công lần thứ hai còn mang vết ghè và tu chỉnh gián tiếp - những đặc điểm kỹ thuật từng thể hiện trong các di tích - xưởng thủ công chế tác đá Đông Nam bộ có tuổi nguyên thủy hơn thời đại của chủ nhân quần thể di tích Cự thạch Hàng Gòn rất nhiều; ví như, trong các di chỉ - xưởng được coi là khởi đầu cho truyền thống văn hóa, kỹ thuật Tiền sử - Sơ sử Đồng Nai như Cầu Sắt (Long Khánh), Suối Linh (Vĩnh Cửu)...

Trong các đợt đào lớn năm 2006-2007 và thám sát năm 2010, đá phế liệu tập trung chủ yếu gần khu di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) và phát triển gần phía hầm mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) trong các hố khai quật 07HG-A-H3-7, 9-10, 12-13, 15. Trong số hiện vật đá được ghi nhận, phần lớn là những mảnh vỡ không định hình, mảnh tách trong quá trình chế tác những tấm đan và cột đá. Các nhà khai quật đặc biệt chú ý đến hai nhóm hiện vật xuất hiện nhiều ở các hố khai quật thuộc khu C, gồm: Nhóm I có khoảng 30 viên đá có hình dáng gần với mu rùa (16 tiêu bản) hay hình bán cầu, tuy bị phong hóa nhiều nhưng vẫn thấy những vết ghè đẽo chế tác tạo dáng (đường kính từ 10-15cm, cao 5,5-6,0cm) và nhóm 2 có 8 tiêu bản ghè hình cầu (đường kính 7-10cm) có thể được sử dụng như công cụ ghè, đập đá hoặc các con lăn để di dời những phiến đá nặng. Ngoài ra, còn 1 tiêu bản hoa cương có thể là đầu cột ký hiệu B, 1 tiêu bản granit và 2 tiêu bản đá cát có vết mài nhẵn hình sóng trâu hoặc hình chữ nhật, cùng một số tiêu bản vỡ nhỏ không định hình được các nhà khai quật cho là phế liệu hoặc mảnh vỡ trong quá trình chế tác và vận chuyển các tấm đan và cột đá [84].

Riêng về nghề sản xuất đồ đá, đây là nghề phổ cập và cổ điển nhất, với sự góp mặt gần hết thao tác kỹ thuật cơ yếu của kỹ nghệ chế tác đá Tiền sử: Tìm kiếm và lựa chọn nguyên liệu, tách đập, bổ chặt, dùi đục, ghè đẽo trực tiếp và gián tiếp, tu chỉnh một hay nhiều lần, mài phá và trau chuốt, trồ chạm hay đánh bóng, sửa chữa và cải biến để tận dụng phế phẩm, cưa và khoan... mà không ít kinh nghiệm được

các nhà xây dựng Cự thạch ứng dụng trong các công trình ưu tú của mình. Đây cũng là nghề thủ công có vai trò như là nền tảng kỹ thuật của sự phát triển kinh tế - xã hội cổ Đông Nai thưở ấy, đã góp phần tạo nên bản sắc và đặc trưng vật chất cơ bản nhất của cuộc sống cư dân văn hóa Đông Nai. Sản phẩm của kỹ nghệ đá chiếm tới hơn 80% tổng số công cụ lao động, vũ khí và vật phẩm nghệ thuật, tín ngưỡng Đông Nai cổ.

Ngoài các loại hoa cương và có thể cả sa thạch dùng kiến tạo công trình Cự thạch phải kiếm xa nơi trú ngụ truyền thống, phần lớn nguồn liệu nham thạch làm thành phẩm nhỏ đã được người thợ Đông Nai khai thác tại chỗ, trong đó phổ biến nhất là đá sừng hoặc phiến sừng, có nguồn gốc từ sét kết - bột kết; đá phun trào, chủ yếu là andezit, andezito - bazalt (porfirit), dazit porfir bị biến chất, với các thành phần khoáng vật chủ đạo là thạch anh, cocdierit, biotit có cacbonat, epidot - zoizit có hocblen hoặc felspat, clorit, xerixit, fenzit, porfir (phun trào axit); ngoài ra, là các loại đá bazan olivin, hoặc dolerit, quaczit hoặc quaczit biotit biến chất từ cát kết... Về cơ bản, chúng có kiến trúc ban biến trạng (ít loại có kiến trúc garbo), hạt biến tinh, thường bị biến chất khi tiếp xúc nhiệt, cấu tạo khối trạng, nền hạt thường mịn, cứng nhưng giòn, vừa thích hợp cho việc chế tác và sử dụng công cụ, lại dễ khai thác vì nguồn liệu sẵn có trong nhiều bãi cuội tự nhiên lộ thiên dọc hệ thống sông Đông Nai và các chi lưu ở cả tả ngạn lẫn hữu ngạn.

Ngoài công xưởng chuyên chế tác Cự thạch ở Hàng Gòn và những xưởng thợ, làng thợ (như Đồi Phòng Không) chuyên làm vòng tay bằng kỹ thuật đục và khoan tách lõi ở 1-2 mặt từ các loại đá mềm phân phiến yếu, hoặc đá khối trạng như bazan, sa thạch mịn, đá bùn xám xanh, cát kết biến chất, phiến sừng đen, đá sừng andalurit, xerixit, clorit, thạch anh, quaczit, dazit...; thành phẩm ưu tú của kỹ nghệ chế tác di vật đá nhỏ bản địa là các bộ đàn đá - sản phẩm có âm vực biểu trưng sáng giá cho tài năng “những người thầy của Đá” ở Đông Nai và thần thái diện mạo văn hóa, sinh cảnh Đông Nai xưa, khám phá ở các làng cổ Bình Đa, Gò Me, Đa Kai, Lộc Hòa, Rạch Lá, với khởi hình có thể tìm trong sưu tập giống đàn Suối Linh, từ trước tuổi cổ nhất của quần thể Cự thạch nhiều thế kỷ. Trong các ấp làng đương

thời với Hàng Gòn thuộc giai đoạn văn hóa phát triển cao, hiển nhiên là có thể quan sát thấy sự thuyên giảm rõ rệt vai trò của công cụ, vũ khí đá liên quan chặt chẽ với sự xuất hiện và tăng trưởng những di vật tương ứng bằng đồng thau và sắt.

Chính trong địa vực cửa ngõ của các luồng giao lưu văn hóa, kỹ thuật trên sông, biển Đông Nam Á, nơi được coi là ngã ba đường của các nghệ thuật, của dân cư và văn minh, những thương nhân Đồng Nai, trên những con thuyền khoét rỗng từ gỗ sao hay bè mảng ghép từ tre nứa, thông thương ngược xuôi các dòng chảy huyết mạch, hay men theo bờ biển, khai thông những hành trình giao lưu buôn bán, học hỏi kỹ thuật, tích lũy kinh nghiệm sáng tạo văn hóa, chứng kiến nhiều thắng cảnh và kiến trúc Cự thạch, tiếp xúc với nhiều vùng miền đất, đảo khác của Đông Nam Á và Châu lục. Sự ảnh hưởng của văn minh Việt cổ đến Đồng Nai có hiệu lực như tác nhân kích thích quan trọng trong quá trình phát triển lịch sử văn hóa, mà qua hơn thế kỷ với bao thế hệ học giả nỗ lực kiếm tìm và suy ngẫm, chúng ta quan sát được ở Đồng Nai. Song, những nhân tố gắn liền với sự phát triển nội tại, quy định bản sắc văn hóa - nội hàm văn minh Sơ sử Đồng Nai và hun đúc bản lĩnh, hào khí những con người đã biến mơ ước xây dựng hầm mộ Cự thạch thành hiện thực, người cổ chủ nhân văn hóa Đồng Nai đóng vai trò quyết định. Bởi thế, cho dù có chứa đựng các yếu tố “ngoại nhập”, hệ thống văn hóa Sơ sử Đồng Nai chính là nền cảnh văn hóa của quần thể Cự thạch đặc sắc vào bậc nhất trên đất liền của khu vực Đông Nam Á. Cả hệ thống văn hóa này trình diễn trước chúng ta hôm nay như một hiện tượng lịch sử riêng biệt về cơ bản có kích thước văn hiến độc đáo và phân biệt về chất với mọi văn hóa kim loại có hoặc không kiến tạo Cự thạch gần xa cùng thời ở quy mô toàn khu vực hay Châu lục.

2. 4. Di vật khảo cổ học

Các hiện vật KCH thu thập ở Hàng Gòn qua các đợt điền dã, khai quật từ năm 1996-2010 có tới 11.672 tiêu bản, với 4.487 hiện vật đá = 38,44%, 4 đồ đồng = 0,04% và 7.181 mảnh gốm = 61,52%; trong đó, riêng trong hố khai quật di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) năm 1996 thu thập dưới các tấm đan hoa cương (dưới chuẩn điểm 0) đã có tới 4.441 tiêu bản, bao gồm 2 mảnh - cục

bằng đồng thau (ảnh 2.12), 24 mảnh gốm cổ, 4.413 phế liệu đá các loại (ảnh 2.23, ảnh 2.24, ảnh 2.25, ảnh 2.26, ảnh 2.28). Trong 16/58 hố thám sát năm 2006 thu được 754 tiêu bản gồm 2 tù và đồng thau (ảnh 2.15), 1 vật đeo có lỗ và 11 mảnh đá (ảnh 2.21, ảnh 2.22), 740 mảnh gốm. Trong các hố khai quật lớn năm 2007 thu được 6.476 tiêu bản gồm 61 mảnh đá, 6.415 mảnh gốm. Trong các hố thám sát năm 2010 chỉ có 1 mảnh hoa cương và 2 mảnh gốm (thống kê 2.5), (bản vẽ 2.7),

2. 4. 1. Đồ đá

2. 4. 1. 1. Di vật

Di vật bằng đá bao gồm các hiện vật kiến trúc gồm các tấm đan, các trụ cột đá (bản vẽ 2.5); các hiện vật khác như vật đeo có lỗ, bàn mài, và các hiện vật mảnh tước, mảnh tách, mảnh vỡ khác.

Tấm đan đá được ghép thành hình hộp chữ nhật tạo hầm mộ đá, hiện còn 6 tấm còn nguyên hoặc bị vỡ nhiều mảnh nhưng phục lại được dáng gân nguyên, ký hiệu từ 27HG7A-HM-1 đến 27HG7A-HM-6. Các tấm đan này hiện còn 5 tấm ở nguyên vị trí cũ, riêng tấm vách đan ở đầu đông đã bị dỡ ra. Quy mô chung của hầm đá hiện tại còn xác định được là: Chiều cao toàn bộ từ 1,6m (ở đầu tây) tới 1,7m (ở giữa hầm) và 1,65m (ở đầu đông). Chiều dài hiện có từ 4,43m (đo 2 đầu vách đứng từ đông sang tây) đến 5,25m (đo toàn bộ độ dài nắp trên hầm mộ đá). Chiều rộng giữa 2 thành mộ dọc là 1,65-1,9m; chiều rộng của thành mộ đầu tây là 2,7m và của nắp trên là 2,25m.

Nắp đá khi phục nguyên có quy mô lớn và nặng nhất (5,65 x 2,2 x 0,24m), với 2 đầu nhô như cán rìu có vai không lồi; mặt dưới có gờ rãnh chạy viền quanh gân hình chữ nhật để ghép khít với bốn vách hầm; mặt trên hơi vồng lên ở giữa.

Nền hầm là một phiến đan có dạng gân hình chữ nhật nằm bên dưới với cạnh đầu đông thẳng và cạnh đầu tây hơi cong lồi, các đường rãnh khoét khá sâu, ghép khít bốn tấm đan vách tạo thành phòng trên nền đá.

Vách hầm gồm 4 tấm đá tạo thành hình hộp chữ nhật, bố cục theo 4 hướng đông, tây, nam, bắc. Vách phía bắc (dày) và vách nam (mỏng) được chế tác dày dần từ rìa ghép với nền lên rìa ghép với nắp. Tấm vách tây ghép hơi lệch so với trục dọc

của cả nền và nắp đá, có dạng hình chữ nhật song chòm rộng sang hai bên phòng hầm mộ dài 2,5-2,52m. Tấm vách đông vốn bị gỡ ra ngay từ khi khai quật năm 1927, khi ghép các mảnh còn lại còn quy mô 1,7 x 1,3 x 0,11m; đặc biệt ở một rìa cạnh còn rõ lỗ khuyết lõm hình bán cầu. Chính lỗ bán cầu này xác nhận hướng mở của toàn bộ hầm đá là hướng đông và có thể còn mang ý nghĩa như “lỗ thoát hồn” như ở nhiều công trình Cự thạch hay các nghĩa địa quan tài bằng chum gốm ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Toàn bộ hầm đá lớn có cùng chất liệu hoa cương hạt thô, lõi màu xám - trắng đục với nhiều khoáng vật màu đen, vỏ ngoài chịu nhiều tác dụng của phong hóa phủ màu đen hay nâu sẫm. Đây là loại đá granit - biotit có kiến trúc hạt vừa, nửa tự hình; phân tích thành phần thạch học có cấu tạo hạt và vỏ ngoài là tiêu biểu chất liệu toàn hầm đá lớn (ảnh 2.4).

Đế lót: 2 tiêu bản, ký hiệu 27HG7A-PK-7 và 27HG7A-PK-8 (a-c). Đây cũng là tấm đá mà H.Parmentier gọi là “đế” dùng lót dưới chân của phiến trụ lớn hoa cương ký hiệu B’, vốn nằm ở vị trí cao hơn nền hầm đá và bị trụ B’ ngã đè lên ở thời ông. Điểm đặc biệt là sự hiện diện các phiến mảnh mang dấu vết giống rãnh tấm nền (hoặc mặt dưới tấm nắp) như di vật 27HG7A-PK-8a đã gợi ý cho chúng ta về khả năng còn tồn tại hầm đá nữa ở khu vực Hàng Gòn (vì bản thân hầm đá đã biết còn nguyên dạng tấm nền và nắp trên); hoặc chí ít cũng nêu ra khả năng người cổ chế tác và ghép lắp hầm mộ hoàn chỉnh này ngay tại chỗ, nếu chính xác đó là mảnh của tấm nền (hoặc tấm nắp) bị tiền nhân loại bỏ khi chế tác không thành công và tận dụng lại làm đế trụ (ảnh 2.3).

Trụ cột: 40 tiêu bản có thể ghép lắp thành 12 phiến - trụ (thuộc 6 cặp theo ghi nhận của J.Bouchot và H.Parmentier xưa) và 1 đoạn lẻ. Ngoài 4 phiến trụ làm bằng đá hoa cương, các trụ cột còn lại đều làm từ sa thạch, với độ mịn của hạt, độ bóng bề ngoài và lớp phủ phong hóa dễ nhận dạng (ảnh 2.5).

Ngoài 6 phiến - trụ chắc chắn đã được H. Parmentier khảo tả ở trên, các trụ cột còn lại chỉ có thể phỏng đoán qua các ký hiệu không rõ ràng trong bản phác thảo ở chính thời ông. Trong đó, cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-15 (đá grès) và 27HG7A-

PK-18 (đá granit) dường như là cặp trụ FF' có quy mô lớn nhất 4,75-3,95m x 0,45-0,4m x 0,31-0,3m.

Cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-16 (đá granit) và 27HG7A-PK-17 (đá grès) dường như là cặp trụ GG' phức dáng còn quy mô 4-3,8m x 0,4m x 0,2-0,19m.

Cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-19-20 làm bằng đá sa thạch, mặt cắt ngang thân gần bầu dục, bị gãy thành 5 đoạn, dường như là cặp trụ EE' vốn bị vùi lấp nên còn thiếu trong mô tả của H. Parmentier; quy mô hiện còn 3,7-3,85m x 0,32-0,35m x 0,19-0,23m.

Trụ mang ký hiệu 27HG7A-PK-21 làm bằng sa thạch hạt mịn, chưa hề thấy trong các công bố của học giả Pháp trước đây, quy mô lớn nhất 1,6m x 0,32m x 0,23m. Quan sát phác thảo bình đồ hiện trường của H. Parmentier, đây có lẽ là tiêu bản nằm sát cạnh cặp trụ CC'.

Tiêu bản ký hiệu 27HG7A-PK-22 là tảng sa thạch lớn nhất trong các mảnh đá thu được qua lần khai quật tôn tạo. Các mảnh sa thạch này không phải là cột trụ, mà dường như liên quan đến những hộc đá kê chân của cặp trụ lớn nhất (27HG7A-PK-BB'- 9-10) mà J. Bouchot và H. Parmentier đã mô tả. Quy mô tảng lớn nhất còn 0,62m x 0,5m x 0,26m.

Cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-B-9-B'-10 làm bằng đá granit diorite có quy mô lớn nhất là 8,2-7,7m x 1,1-1,15m x 0,43-0,3m.

Cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-C-11-C'-12 làm từ đá phiến cát kết có felspat biến chất (quaczit), được gia công rất tỉ mỉ, mài kỹ nên mặt ngoài láng nhẵn màu nâu vàng, mặt cắt ngang hình elip, quy mô lớn nhất 3,6-3,35m x 0,65m x 0,43-0,3m.

Cặp trụ ký hiệu 27HG7A-PK-D-13 (đá granodiorit) và 27HG7A-PK-D'-14, (đá grès) cũng có mặt cắt ngang hình elip và đều có rãnh lõm hình yên ngựa như cặp trên, song lớn hơn 4,07-3,85m x 0,57-0,8m x 0,55-0,38m.

Vật đeo có lỗ: 1 tiêu bản làm bằng đá màu xanh đen tìm thấy ở độ sâu 65cm trong lớp đất đỏ bazan mềm. Di vật được mài kỹ toàn thân nhưng còn vết ghe đẽo ở một mặt, có dạng gần hình thang dài với các cạnh cong lồi, ở giữa hơi phình to, thân

dày và mỏng dần về rìa, mặt cắt ngang hình giống tang trống với 4 rìa xung quanh dày khoảng 0,4cm. Căn cứ vào tính chất nham thạch đặc biệt đá cát rất phổ biến ở Đồng Nai và chất liệu không là đá cát của một số tiêu bản có lỗ tương tự ở Hàng Gòn 3-4, Suối Chồn, Long Giao, Bình Đa, Gò Cát, có thể cho rằng chúng là dạng “Bùa đá” (ảnh 2.22).

Bản mài: 1 tiêu bản là bản mài bằng, làm từ đá cát mịn màu nâu tím thấy trong hố khai quật 07HG-C-H1, quy mô 12,6 x 10,5 x 5,9cm. Di vật có 2 mặt mài lõm, mặt lớn có vết mài lõm sâu 0,4cm, quy mô 11,1 x 6,1cm (chiếm gần hết chiều dài viên đá), cùng một vết mài rãnh sâu, mặt cắt hình cung tròn, sâu 0,7cm, dài 7,1cm, rộng hai đầu 1,5cm và 1,9cm (ảnh 2.21).

Mảnh tước, mảnh tách, mảnh vỡ: 4.485 tiêu bản, chủ yếu thu thập trong hố khai quật di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) năm 1996 (4.413 tiêu bản = 98,4% tổng số) và chỉ có 72 tiêu bản = 1,6% thu thập trong các đợt đào thám sát và khai quật năm 2006-2007 và năm 2010; trong đó, 16/58 hố thám sát năm 2006 chỉ có 12 tiêu bản (2 đá hoa cương trong hố 06-HG-HTS33 và 9 mảnh cuội trong các hố 06HG-HTS25-26, 29-30, 38, 55). 12/34 hố khai quật năm 2007 có 61 tiêu bản thu thập chủ yếu quanh di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A) (thống kê từ 2.1 đến thống kê 2.4), (ảnh 2.23, ảnh 2.24, ảnh 2.25, ảnh 2.28).

2. 4. 1. 2. Tính chất đặc trưng

Sau đợt khai quật năm 1996, 35 mẫu đá được gửi phân tích tại các phòng thí nghiệm: Khoa Địa chất, Đại học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: 26 mẫu và Viện Địa chất: 9 mẫu, trong đó có 9 mẫu thu thập từ di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A) và 26 mẫu thu trong hố khai quật chính ở công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B). Gửi 7 mẫu gồm để phân tích thành phần định lượng gồm tại Phòng Hóa học - Quang phổ thuộc Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản - Viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia Việt Nam. Gửi tập hợp mẫu than gỗ trong địa tầng nguyên thổ màu nâu đỏ sẫm hoàn toàn không bị xáo trộn của hố khai quật di tích công xưởng chế tác Cự thạch Hàng Gòn II (7B) phân tích C14 tại Trung tâm Kỹ thuật Hạt nhân TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2007, TS. Phạm Quang Sơn gửi thêm 8 mẫu đá thu trong các hố khai quật, thăm dò xung quanh mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) để phân tích tại Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam. Gửi giám định thêm 5 mẫu gốm thu thập trong các hố khai quật và thăm dò xung quanh di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn I (7A) (khu A: 3 mẫu, 07HG-A-H2C5M1; 07HG-A-H14-M2-3 và khu B: 2 mẫu 07HGB-H1-M4-5) tại Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, TP. Hồ Chí Minh. Gửi 9 mẫu than gỗ thu trong các hố thám sát và các hố khai quật quanh hầm mộ Cự thạch phân tích C14 tại Trung tâm Kỹ thuật Hạt nhân TP. Hồ Chí Minh.

Trong tổng số 35 mẫu đá các loại gửi phân tích, trong đó: 13 mẫu thu từ các tấm đan và cột trụ đá lớn ở nguyên hiện trạng của các di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A) và Hàng Gòn II (7B); 22 mẫu còn lại là tiêu bản của các loại phế liệu đá thu trong hố khai quật chính của di tích Hàng Gòn II (7B), với 7 mẫu nằm ngay sát dưới tấm đan lớn ký hiệu A1 hoặc trong phạm vi giữa 2 tấm đan ký hiệu A2-B1 và 15 mẫu khác nằm ở độ sâu 70cm cách bề mặt lớp nguyên thổ màu nâu đỏ (lớp IV) và sâu 205cm cách bề mặt hiện tại. Các mẫu đá được yêu cầu phân tích: Giám định tên đá, kiến trúc và cấu tạo cơ bản của mẫu, định lượng thành phần khoáng vật cơ bản có trong mẫu, cung cấp ảnh chụp cùng nguyên bản các lát mỏng. Phương pháp phân tích: Nghiên cứu thạch học (Petrology) dưới kính hiển vi phân cực, khảo cứu bằng mắt thường qua đá mài lát mỏng và giám định bằng kính hiển vi phân cực, chụp ảnh các lát mỏng và khảo cứu ảnh chụp dưới kính hiển vi phân cực (Lithological Analysis by Polariscope Microscope). Các mẫu được phân tích tại Phòng Thí nghiệm thạch học thuộc Khoa Địa chất, Trường Đại học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (26 mẫu mang ký hiệu phân tích chung là: 99HCM) và Phòng Thí nghiệm thạch học thuộc Viện Địa chất - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (9 mẫu mang ký hiệu chung là: 98HN) do PGS.TS Huỳnh Trung và TS. Hoàng Hữu Thành tiến hành (từ ảnh 2.30 đến ảnh 2.64).

Tính chất cơ bản về các mẫu vật đá thu thập ở quần thể di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A) và Hàng Gòn II (7B) về cơ bản, các dạng đá hoa cương được người xưa khai thác, chế tác làm phụ kiện xây cất những công trình Cự thạch ở

Hàng Gòn trong cả 2 khu vực quy tập di tích đều là đá granit chứa nhiều khoáng vật plagiocla (\cong 25-50%), felspat-kali (15-40%) và thạch anh (20-30%). Các khoáng vật khác như biotit, biotit - hocblen có tỷ lệ đáng kể (5-6%, có khi tới 8-15%), còn quặng và tàn dư pyroxen, ziricon, apatit ít gặp (thường nhỏ dưới 3%). Các dạng hoa cương này thường có kiến trúc hạt vừa hoặc lớn, nửa tự hình, cấu tạo khối trạng. Một số phiến tấm granodiorit - biotit - hocblen có kiến trúc monzonit (monzogranodiorit), với cấu tạo đới trạng và khoáng vật màu phân bố khá đều.

Những tấm đan và mảnh tước, mảnh tách, mảnh vỡ trong hố khai quật hoàn chỉnh ở Hàng Gòn II (7B) hoàn toàn giống đá granit của quần thể công trình đá ghép và đá dựng ở Hàng Gòn I (7A). Các dạng đá granit và granodiorit Hàng Gòn thường phổ biến ở các sơn khối thuộc địa phận Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng) và miền cực Nam Trung bộ (Bình Thuận). Một số đá cục lẫn trong sưu tập phế liệu hoa cương thu trong hố khai quật hoàn chỉnh ở di tích Hàng Gòn II (7B) có thành phần khoáng vật riêng về plagiocla (khoảng 20-45%), felspat - kali (hạt trung: 30-60%; hạt nhỏ: 5-7%), thạch anh (5-15%), biotit (10-20%), amfibon (10-25%) thường là đá magma xâm nhập (granodiorit, granit - kataclazit, amfibiotit), thành phần axit trung tính, nguồn gốc biến chất, chịu tác động biến chất nhiệt động, có khoáng vật màu bị clorit hóa hoàn toàn. Các loại đá này rất cứng, thuộc nhóm đá có độ cứng lớn nhất gặp trong địa tầng Hàng Gòn II (7B) và chúng có thể được người xưa sử dụng như những hòn ghè hay hòn đập trong các công đoạn gia công đá tại chỗ. Các thể loại nham thạch này có thể tìm thấy nguồn liệu ở đây, trong các vùng Định Quán, Xuân Lộc (Đồng Nai)...[59], [66].

Các loại đá cát kết biến chất, cát kết acko, cát kết tuf thường được người thợ đá xưa khai thác và sử dụng để chế tạo các loại cột trụ Cự thạch. Chúng thường là nham thạch có kiến trúc hạt vảy biến tinh, cỡ hạt không đều nhưng thường nhỏ và vừa, cấu tạo khối đồng nhất, mức độ cà nát yếu hoặc trải qua quá trình biến đổi thành tạo đá gắn kết tốt và rắn chắc, với thành phần chủ đạo là hạt vụn (khoảng 70-80%) bao gồm: Thạch anh (70-85%), felspat (10-25%) và các khoáng vật như silic (quaczit hay andezit - đá phun trào) (khoảng 5-10%); cùng xi măng kết gắn (khoảng

20-25%), chủ yếu là sét đã bị xerixit hóa (70-80%), clorit (hay biotit) (15-30%), cùng ít hạt quặng màu đen [59], [66].

Các dạng sa thạch kể trên thường gặp từng lớp nhỏ trong các thành tạo trầm tích biến chất có tuổi Jura (J1-2bđ) khá phổ biến ở Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng), ở miền cực Nam Trung bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận) và ở chính miền Đông Nam bộ (Đồng Nai, Bình Phước).

Các dạng đá phế liệu chịu nhiều tác động của phong hóa thành tạo lớp phủ mặt ngoài vỏ đá với độ dày và màu sắc khác nhau (chủ yếu là các màu vàng, xanh với nhiều sắc thái). Chúng thường là các dạng đá có nguồn gốc trầm tích núi lửa vì hiện tượng epidot hóa và clorit hóa phát triển với những đặc trưng riêng. Các mẫu đá có mặt ngoài phủ lớp phần màu vàng đậm thường là: Trachit - dazit - porfir có nguồn gốc magma (đá phun trào trung tính á kiềm), với thành phần nền (95%) và ban tính (5%) bao gồm: Felspat, felspat - kali, thạch anh; đá garbo (garbonorit) có kiến trúc garbo với plagiocla (55%), pyroxen (40%) và ít hạt quặng. Các mẫu đá có mặt ngoài phủ lớp phần màu vàng sáng thường là: Cát kết tuf, với thành phần hạt vụn (90%) bao gồm: Felspat, thạch anh, porfir, riolit và xi măng (10%) bao gồm: Dung nham trachit, tro núi lửa (thủy tinh, biotit, cacbonat); felzit - porfir (phun trào axit) có kiến trúc ban trạng, với thành phần ban tính (20%) bao gồm: Plagiocla (10%), felspat - kali (40%), thạch anh (15%), cụm granofir (30%) và nền (80%) bao gồm: Thạch anh, felspat, quặng; đá sừng có cấu tạo khối trạng, kiến trúc hạt biến tinh, chủ yếu gồm các khoáng vật như: Thạch anh (45%), xerixit (20%), clorit (15%), zoizit (15%) và ít hạt quặng; đá microdiorit - porfir, với 20% ban tính, 80% nền, bao gồm: Plagiocla (70-90%), epidot (10-25%) có kiến trúc porfir, nền vi hạt, biến đổi nhiệt dịch mạnh; đá granofir có cấu tạo khối. Các mẫu đá có mặt ngoài phủ lớp phần màu xanh đậm gồm: Cát kết tuf biến chất, với các mảnh thạch anh (40%), felspat (20%), khoáng vật màu amfibon, mica (40%) được thành tạo thứ sinh, nhiều chỗ thạch anh tái kết tinh; các dạng đá bazan (dolerit, dolerit - diabaz, olivin) thường có kiến trúc porfir (ban trạng), cấu tạo khối hay hạnh nhân, với ban tính (15-20%) và nền (80-85%), gồm các thành phần khoáng vật chủ yếu là: Olivin (70-

90%) hoặc plagiocla (65-70%), với các phụ chất pyroxen (10-20%), thủy tinh, quặng. Các mẫu đá có mặt ngoài phủ lớp phần màu xanh sáng thường là: Tuf andezit - dazit (hạng) biến đổi, andezit (microdiorit - porfir) có kiến trúc porfir, cấu tạo khối, có khi kiến trúc dăm, chịu biến đổi nhiệt dịch tiếp xúc mạnh, tái kết tinh, giàu quặng, với thành phần ban tính (30-40%) gồm: Plagiocla (70-90%) và các khoáng vật khác như: Thạch anh, epidot, andezit, clorit (khoảng 10-20%) và nền (60-70%) gồm: Plagiocla (khoảng 60%) và các khoáng vật khác như: Epidot, clorit, biotit (chiếm dưới 40%) (cá biệt có mẫu gồm khoáng vật chính là plagiocla chiếm khoảng 50-55% và hocblen chiếm 35-45%). Các dạng đá không chịu nhiều tác động của phong hóa nên còn mang vỏ cuội ngoài trơn láng màu nâu và đen, xám với các sắc độ khác nhau, thường là đá cuội bazan olivin có nguồn gốc magma, quaczit hay đá sừng có kiến trúc hạt, hạt vảy biến tinh, cấu tạo khối, với thành phần ban tính (khoảng 15-30%) gồm: Olivin (15-40%), pyroxen (60%) và nền (70%) gồm: Thạch anh (55-65%), felspat (10%), epidot có hocblen (5-35%), xerixit và clorit (25%). Cá biệt, có mẫu với thành phần khoáng nền chủ đạo là plagiocla (90%) và olivin (5%), hay plagiocla dạng que (50%), bụi manhetit (15%), thủy tinh phân hủy cả nát (35%) [59], [66].

Tất cả các dạng đá trên, kể cả 8 mẫu đá thu trong các hồ khai quật, thăm dò xung quanh mộ Cụ thạch Hàng Gòn I (7A) thuộc các loại đá granit granophyr, diorit hornblend biotit, bazan olivin, tuf andesit và thạch anh - turmalin [84], đều là trầm tích nguồn gốc núi lửa với các mỏ lộ thiên phổ biến ở cả Nam Tây Nguyên, miền Nam Trung bộ và miền Đông Nam bộ, thường được người xưa khai thác sử dụng làm nguyên liệu để chế tạo công cụ lao động, vũ khí chiến đấu và cả vật phẩm nghệ thuật phục vụ đời sống vật chất, tinh thần, tín ngưỡng trong thời Tiền sử và Sơ sử bản địa (thống kê 2.6).

2. 4. 2. Đồ đồng

2. 4. 2. 1. Di vật

Gồm có tù và (2 tiêu bản), các mảnh đồng (2 tiêu bản) và 1 tiêu bản cục đồng. Các hiện vật tù và (ảnh 2.15) được tìm thấy chung trong lớp đất đỏ bazan

mềm ở độ sâu 65cm của một hố thám sát mở năm 2006 nằm cách bờ rào phía nam của di tích mộ Cụ thạch Hàng Gòn I (7A) khoảng 80cm, chúng nằm song song và úp vào nhau giữa vùng tích tụ khá nhiều than tro, bên cạnh một vệt đất bị nung cháy hình vòng cung, có dạng cong hình cung tròn có dáng giống như chiếc sừng bò, bên trong rỗng, thân dẹt tròn, bị han rỉ nhiều, phủ dày lớp patine màu xanh sáng, một chiếc đã bị mục gãy mất đầu nhỏ ở phần miệng loe, chiếc còn lại nguyên vẹn hơn về dáng chung [82], [83], [84].

Các tiêu bản mảnh đồng (ảnh 2.12.) phát hiện trong hố khai quật chính năm 1996, đều có mặt ngoài bị phủ lớp patine màu xanh thẫm, phần gãy lộ lõi màu xám đen. Các mảnh này nằm dưới tấm đan hoa cương mang ký hiệu A2, cách bờ vách đông 3,6m và cách vách nam 3,4m. Phần mép miệng của di vật này khá dày, tạo đường gờ nổi ở gần sát mép làm cho thiết diện cắt ngang đầu mép tạo thành hình gần giống tam giác với bề dày ở cạnh đầu tới 0,8cm. Từ mép trở xuống mỏng dần (độ mỏng nhất của mảnh vỡ là 0,35cm). Sau khi gắn chắp lại với nhau, hiện vật cung cấp số đo còn lại là 7,6-8,7 x 2-3,5cm. 1 cục đồng nhỏ có hình dạng gần bầu dục, phần bề lộ lõi đen, mặt ngoài phủ lớp patine màu xanh đậm, quy mô còn lại chỉ 0,9 x 0,7 x 0,5cm. Tiêu bản này phát hiện ở độ sâu 58cm cách đường tiếp xúc giữa 2 phân lớp 1-4 của địa tầng KCH ở chính tọa độ này, trong phạm vi ô đào ký hiệu E2, cách vách đông khoảng 1,68m và cách vách nam 3,9m [72].

2. 4. 2. 2. Đặc trưng thành phần hợp kim

Hợp kim đồng được phân tích với số lượng 3 mẫu là các mẫu đồng phát hiện trong mùa điền dã năm 1996 ở di tích công xưởng chế tác Cụ thạch Hàng Gòn II (7B); trong đó, 2 mẫu tìm thấy trong hố khai quật chính, ở dưới tấm đan đá hoa cương A2 (mẫu ký hiệu 96HGII-7B-d2-M3) và ở gần vách đông của hố khai quật chính (mẫu ký hiệu 96HGII-7B-e2-M2); mẫu vật còn lại thu nhặt trên bề mặt di tích, cách hố khai quật chính khoảng 45m về phía tây (mẫu ký hiệu 96HGII-7B-ST-M1). Các mẫu được yêu cầu phân tích định lượng 4 nguyên tố cơ bản nếu có trong hợp kim là: Đồng (Cu), thiếc (Sn), chì (Pb) và kẽm (Zn) với phương pháp phân tích: Quang phổ định lượng (Spectroscopic Methods); nơi phân tích Phòng Thí nghiệm

Hóa học - Quang phổ, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản - Viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia; người phân tích TS. Phan Ngọc Hà.

Các mẫu đồng có đặc điểm nhận dạng cơ bản như sau: Mẫu 1 (ký hiệu 96HGII-7B-ST-96HN-MĐ1) là mảnh của công cụ có rìa lưỡi mỏng sắc, thiết diện ngang thân lưỡi hình chữ V, sống công cụ thẳng và khá dày, mặt ngoài phủ patine màu xanh sáng; mẫu 2 (ký hiệu 96HGII-7B-e2 -96HN-MĐ2) là cục đồng nhỏ có hình gần bầu dục, lõi đen, mặt ngoài phủ patine màu xanh đậm; mẫu 3 (ký hiệu 96HGII-7B-d2-96HN-MĐ3) là mảnh của vành nắp (hoặc vành miệng của đồ đựng) với thiết diện đầu mép có hình gần tam giác, lõi đen, mặt ngoài phủ lớp patine màu xanh đậm.

Kết quả giám định các mẫu đồng thu được ở Hàng Gòn II (7B) đã cho biết thành phần hợp kim chủ yếu là đồng (Cu) và thiếc (Sn); tỷ lệ chì (Pb) ít và tỷ lệ kẽm (Zn) rất nhỏ (0,01%). Tuy rằng các tỷ lệ hợp kim còn chênh lệch nhau ở từng mẫu cụ thể, nhưng thành phần hợp kim chủ đạo của cả nhóm mẫu vật này gần giống với các nhóm mẫu từng được phân tích thu thập trong sưu tập đồ đồng thau Dốc Chùa (Bình Dương), Long Giao và Hiệp Hòa, Cái Vạn (mẫu giáo), Cầu Sắt (Đồng Nai) [28], [30], [37], (thống kê 2.9, thống kê 2.10).

So sánh kết quả giám định mẫu đồng thu được ở Hàng Gòn II (7B) với các mẫu vật ở các di tích đồng đại trong vùng cho biết: Công cụ, vũ khí, di vật nghệ thuật Đồng Nai được chế tạo không phải từ đồng đỏ nguyên chất, mà là từ đồng thau hợp kim nhân tạo: Cu + Sn (30 mẫu = 44,1%), Cu + Pb + Sn (16 mẫu = 23,5%), Cu + Sn + Pb (11 mẫu = 16,2%); các hỗn kim ít thấy hơn là Cu + Pb (6 mẫu = 8,8%), Cu + Pb + Sn + As (3 mẫu trống = 4,4%), Cu + Pb + As (1 mẫu trống = 1,5%), chỉ 1 mẫu rìu ở Hiệp Hoà (Cù Lao Phố) là có thể coi như đồng đỏ nếu chấp nhận rằng các hàm lượng kim loại, lưỡng kim và Á kim khác nhỏ dưới 1% được xem như tạp chất đã sẵn trong quặng đúc.

2. 4. 3. Đồ gốm

2. 4. 3. 1. Loại hình

Các cuộc khai quật đã thu được khá nhiều trong trầm tích văn hóa Hàng Gòn xung quanh mộ Cự thạch. Không kể các hố khai quật và thám sát năm 2007 chỉ ghi nhận vết tích đá và gốm vụn có trong tầng văn hóa (các hố khai quật 07HG-A-5, 17, 23; 07HG-C-2, 4; 07HG-B-4), tổng số mảnh gốm có thống kê từ năm 1996 đến năm 2010 là 7.181 tiêu bản. Hầu hết đồ gốm được phát hiện trong các hố khai quật nằm ở độ sâu 60-80cm so với bề mặt hiện tại. Các mảnh gốm đều bị vỡ vụn, mùn nát và bong tróc hầu hết lớp áo gốm bên ngoài. Về chất liệu chung, gốm Hàng Gòn phần lớn thuộc loại gốm cứng thô, được làm bằng bàn xoay từ sét mịn, nhưng pha khá nhiều cát, hạt nhuyễn thể nghiền vụn màu trắng đục, với độ nung không cao nên gốm thường mềm bở và dễ thấm nước. Xương thường có màu nâu, mặt ngoài gốm thường được phủ lớp nước đất màu nâu vàng gần như cùng màu với một phần phiôi gốm, phần phiôi gốm còn lại có màu nâu sẫm độ sẫm hơn (ảnh 2.16, ảnh 2.17, ảnh 2.18, ảnh 2.19, ảnh 2.20).

Về chất liệu, gốm ở đây có 2 loại chất liệu cơ bản: Loại 1 là gốm làm bằng chất liệu cát pha sét trộn nhiều vỏ nhuyễn thể nghiền nhỏ, xương và áo gốm màu nâu sáng, có nhiều đốm trắng, áo gốm miết láng cả hai mặt trong và ngoài, lớp áo ngoài đã bong tróc nhưng vẫn còn nhìn thấy lớp áo gốm bên trong dày hơn bên ngoài, chất liệu loại này áo gốm có các màu nâu sáng, nâu hồng và nâu xám. Loại 2 với chất liệu khá giống loại 1 nhưng tỉ lệ cát trong xương gốm nhiều hơn; xương gốm có màu xám xanh, xám vàng nhạt, cũng có nhiều đốm trắng, áo ngoài màu nâu sáng, phần lớn bị bong tróc gần hết [45], (ảnh 2.17).

Về loại hình, gốm phần lớn thuộc các đồ đựng cỡ nhỏ và trung bình, có thể nhận biết 2 loại hình miệng chính (ảnh 2.16): Loại 1 miệng loe, với 6 kiểu cơ bản (kiểu 1: Miệng loe cong uốn đơn giản, mép miệng vuốt gần nhọn hoặc tròn đều và mỏng dần xuống thân, cổ thắt lại; kiểu 2: Miệng loe uốn đơn giản, mép miệng dày, được vuốt gần như tạo thành gờ phía ngoài, cổ thắt, thân mỏng; kiểu 3: Miệng loe, thành miệng gần thẳng đứng, mép vuốt gần tròn hơi bè ra ngoài và mỏng dần xuống nơi tiếp xúc với vai; kiểu 4: Gần giống kiểu trên với miệng loe, thành miệng gần như thẳng đứng, điểm khác là mép miệng vuốt gần nhọn và dày dần xuống, phần

tiếp xúc vai cong gập rõ và được miết láng; kiểu 5: Miệng có phần đầu mép vuốt tròn đều hơi bẻ loe ra bên ngoài, vành miệng dưới gần như thẳng đứng nhưng hơi xiên ra về nơi tiếp xúc với vai, vai gập khúc rõ; kiểu 6: Miệng loe khum, với phần đầu mép vuốt gần nhọn và thẳng đứng, lòng miệng xiên vào trong, có thể là miệng của đồ đựng nhỏ như bát, thân mỏng). Loại 2: Miệng khum, với 2 kiểu cơ bản (kiểu 1: Miệng khum đều, mép miệng vuốt mỏng gần nhọn; kiểu 2: Miệng khum, phần mép miệng vuốt nhọn và bẻ lên gần như thẳng đứng, thân phình gần tròn, là miệng hũ có xương mỏng pha nhiều cát và vô nhuyễn thể, áo ngoài màu nâu - xám nâu) (bản vẽ 2.19).

Thân gốm Hàng Gòn chủ yếu để mộc (5.891 mảnh thân trơn đa số được miết láng nhưng áo ngoài bong tróc nhiều, độ dày thân dao động từ 0,3-0,5cm đến 0,5-0,6cm) (ảnh 2.18).

Tay cầm: Trong 07HG-A-H1 còn tìm thấy 2 mảnh gốm có thể là tay cầm của một loại đồ đựng. Chúng có dáng hình quả ớt cong, tiết diện ngang hình tròn. Một đầu lớn xiên, phẳng, hơi lõm, có vết gắn với đồ đựng thân mỏng, một đầu được vuốt nhọn (ảnh 2.19).

Chân đế gốm Hàng Gòn có 3 kiểu chính, kiểu 1: Đế choãi cao rộng, mép tiếp đất vuốt gần nhọn và bẻ gập vào, phần gắn với thân dày; kiểu 2: Đế choãi cao hẹp, phần gắn thân dày và vuốt gần nhọn về phần tiếp đất, là đế của loại đồ đựng nhỏ kiểu chén tách; kiểu 3: Đế choãi thấp, phần gắn thân gốm rất dày và vuốt gần nhọn về mép tiếp đất, là đế của các loại bình, vò (ảnh 2.20).

2. 4. 3. 2. Tính chất đặc trưng

Năm 2010, để tìm kiếm thông tin mới cho việc đối sánh chất liệu gốm ở di tích Cự thạch Hàng Gòn với gốm ở các di chỉ cư trú và nghĩa địa có sử dụng quan tài chum gốm vùng đất đỏ bazan Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thêm 1 mẫu gốm được gửi ở di tích Hàng Gòn II (7B) (10HGII - HTS2 (2) - MG1) và 9 mẫu gốm ở di chỉ Cầu Sắt (2 mẫu 10CS-HTS1 (M) -MG2 - MG3), Long Giao (1 mẫu, 10LG (M) - MG4) và Suối Chồn (6 mẫu, 10SC-HTS1 (2) - MC - MG5-MG8 và 10SC - HTS1 (3) - DC - MG9 - MG10) đến Phòng Khoáng vật và Địa chất đồng vị,